

PHẦN THỨ BA VĂN TẾ TRONG CÁC LỄ CÚNG KỶ HÀNG NĂM

I. VĂN TẾ TRONG CÁC LỄ KỶ THÀNH HOÀNG, KHAI CANH - KHAI KHẨN, CÁC BẬC CÔNG ĐỨC

BÀI VĂN “TẾ HỮU CÔNG” LÀNG MỸ LỢI⁽¹⁾

Văn tế những vị có công khai canh, khai khẩn và hậu khẩn của làng Mỹ Lợi (xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế), thường gọi là “Tế hữu công”, cử hành vào ngày rằm tháng Giêng hàng năm. Bài văn như sau:

敢告于

皇朝敕封本土開耕(姓諱)貴公翊保中興靈扶加贈端肅尊神(八位)

皇朝敕封本土後開墾(姓諱)大郎翊保中興靈扶之神(十五位)

始祖從前列位貴郎

本邑後墾(職姓名號)貴公之神(九位)

續後諸族派始祖先祖列位

曰

前朝旌開闢之功芝函疊錫

後嗣沐燕貽之澤廟祀崇修

恭惟開耕祖列位尊神

清華望族

良念名流

莢海鍾靈德配虞八元之美

岑山挺秀名超周八士之儔

幸逢運際從龍共應南旋之旆

樂睹擇還安雁爰求貲宇之謀

適彼樂土

得此名邱

聿建開先之偉績

永垂裕後之弘謀

暨後開墾列位尊神後墾列位尊靈

前功克紹

⁽¹⁾ Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

世德作求
 畫里分疆闢荒莽而成園囿
 開渠築堰化鹹澗而作田疇
 江山不老
 功德長留
 茲因春首
 恭獻嘉饗
 享于克誠庶達熏嚙之氣
 祭則受福永承樂利之庥
 謹告

Phiên âm:

Cảm cáo vu:

Hoàng triều sắc phong Bản thổ Khai canh (tính, húy) quý công Dực bảo Trung hưng Linh phù, gia tặng Đoàn túc tôn thần (bát vị).

Hoàng triều sắc phong Hậu Khai khẩn (tính, húy) đại lang Dực bảo Trung hưng Linh phù chi thần (thập ngũ vị).

Thủy tổ từng tiên liệt vị quý lang.

Bổn áp Hậu khẩn (chức, tính, danh, hiệu) quý công chi thần (cửu vị).

Tục hậu chư tộc phái thủy tổ tiên tổ liệt vị.

Viết:

Tiền triều tinh khai tịch chi công, chi hàm điệp tích;

Hậu tự mộc yển di chi trạch, miếu tự sùng tu.

Cung duy Khai canh tổ liệt vị tôn thần:

Thanh Hoa vọng tộc;

Lương Niệm danh lưu.

Giáp hải chung linh, đức phối Ngũ bát nguyên chi mỹ;

Sâm sơn đỉnh tú, danh siêu Chu bát sĩ chi trừ.

Hạnh phùng vận tế từng long, công ứng nam tuyền chi bãi;

Lạc đồ trạch hoàn an nhận, viên cầu tư vũ chi muru.

Thích bỉ lạc thổ;

Đắc thủ danh khâu.

Duyệt kiến khai tiên chi vĩ tích;

Vĩnh thù dụ hậu chi hoằng muru.

Kỵ: Hậu Khai khẩn liệt vị tôn thần, Hậu khẩn liệt vị tôn linh:

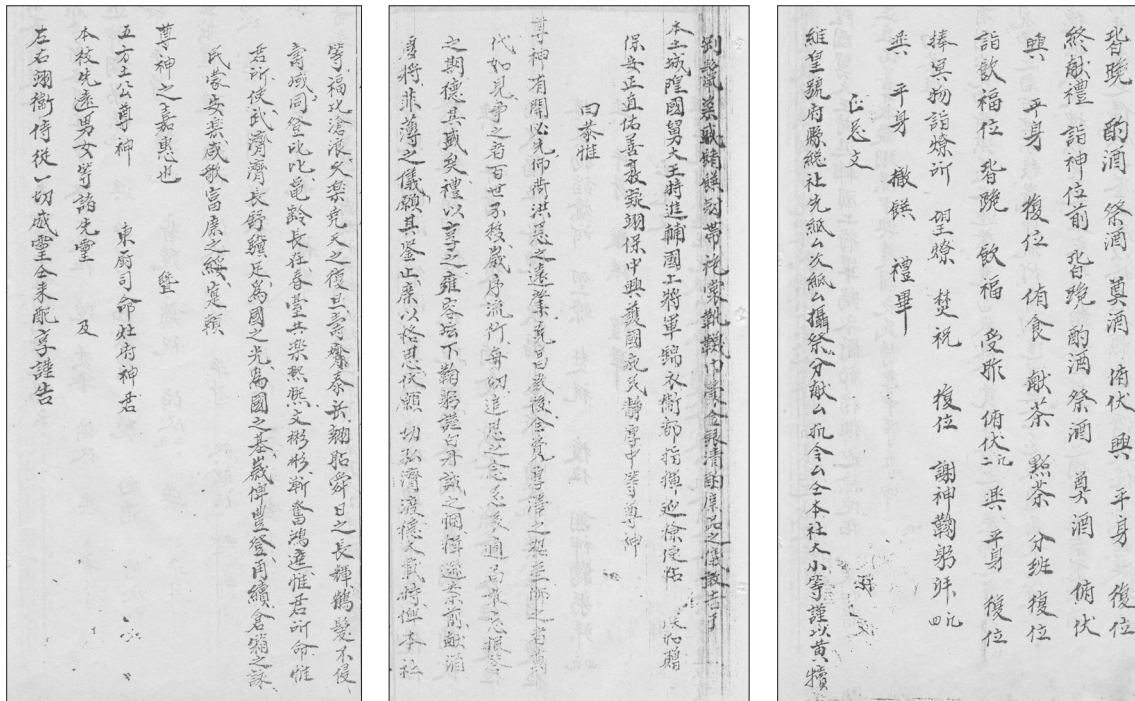
*Tiền công khắc thiệu;
 Thế đức tác cầu.
 Hoạch lý phân khu, tịch hoang mông nhi thành viên hựu;
 Khai cừ trúc yển, hóa hàm chu nhi tác điền trù.
 Giang sơn bất lão;
 Công đức trường lưu.
 Tư nhân xuân thủ;
 Cung hiến gia tu.
 Hưởng vu khắc thành, thứ đạt huân hao chi khí;
 Tế tắc thụ phúc, vĩnh thừa lạc lợi chi hưu.
 Cẩn cáo.*

Dịch nghĩa:

Dám xin cáo với các ngài:
 Khai canh bốn thổ... (lược, 8 vị).
 Hậu Khai khẩn bốn thổ ... (lược, 15 vị).
 Các ngài thủy tổ đòì trước.
 Hậu khẩn bốn ấp ... (lược, 9 vị).
 Cùng các ngài thủy tổ, tiên tổ các họ, các phái nối tiếp về sau.
 Rằng:
 Công mở mang triều trước biểu dương, sắc phong ban cấp;
 Ôn tắm gội đòì sau thừa hưởng, đình miếu dựng xây.
 Kính nghĩ các ngài tôn thần Khai canh:
 Thanh Hoa họ lớn;
 Lương Niệm tên hay.
 Biên Giáp đức khí thiêng, thời Thuần cổ đức lành tám vị;
 Non Sùng phô cảnh đẹp, nhà Chu xưa tiếng tốt tám thầy.
 May gặp vận theo xe rồng, dong ruồi ngọn cờ vào đất mới;
 Vui được nơi yên tổ nhận, tìm tòi phương kế lập làng mây.
 Đất lành tới đó;
 Gò tốt về đây.
 Bèn trước mở mang công lớn;
 Ngõ sau nối tiếp mưu hay.
 Rồi đến các ngài tôn thần Hậu Khai khẩn và các ngài Hậu khẩn:
 Kế thừa công trước;

Bồi bổ đức dày.
 Vạch xóm chia thôn, phá lùm bụi lập thành vườn tược;
 Đắp đê đào lạch, ngăn nước đầm mở rộng ruộng cày.
 Non sông chẳng cũ;
 Công đức còn nay.
 Giờ đây:
 Dầu xuân vừa tới;
 Thức cúng đã bày.
 Dâng với lòng thành, sao thấu đến cõi linh thiêng huyền diệu;
 Tế mong phúc âm, xin chớ che dân giàu có vui vầy.
 Kính cáo.

VĂN CHÁNH KỶ THÀNH HOÀNG LÀNG THANH PHƯỚC⁽¹⁾



Chánh kỷ văn làng Thanh Phước, trang 1-3, từ phải sang.

Phiên âm:

Duy hoàng hiệu... niên, Thừa Thiên phủ, Hương Trà huyện, ...tông, Thanh Phước xã. Tiên chỉ..., Thứ chỉ..., Nhiếp tế..., Phân hiến..., Chấp lệnh... đồng bốn xã đại tiểu đẳng.

⁽¹⁾ Năm 1913. Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.

Cẩn dĩ:

Hoàng độc, cang lập, tư thịnh, hào soạn, quan đái, bào thường, ngoa miệt, cân nang, kim ngân, thanh chức thứ phẩm chi nghi.

Cảm cáo vu:

Bốn thổ Thành Hoàng Quốc cứu đại vương, Đặc tẩn phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm Y vệ Đô chỉ huy, Tuần kiểm sứ Niêm Long hầu, gia tặng Bảo an Chính trực Hữu thiện Đôn ngưng Dục bảo Trung hưng Hộ quốc Tỳ dân Tình hậu trung đẳng tôn thần.

Viết cung duy:

Tôn thần hữu khai tất tiên, ngưỡng hà hồng ân chi viễn triệu; khắc xương quyết hậu, toàn tư hậu trạch chi chiêu thù.

Ngưỡng chi giả vạn đại như kiến, sự chi giả bách thế bất di. Tuế tự lưu hành, mỗi thiết truy tư chi niệm. Kỳ thời thích thuộc, cảm vong báo đáp chi kỳ. Đức kỳ thịnh hỷ, lễ dĩ hưởng chi.

Ung dung đàn hạ, cúc cung cẩn bạch đàn thành chi khỏn; áp tống án tiên, hiến tửu kiên tương phi bực chi nghi.

Nguyện kỳ giám chi, thứ dĩ cách tư.

Phục nguyện:

Công thành tế độ, đức đại tải trì.

Tỷ bốn xã đảng, phúc tỷ thương lang, cứu lạc Nghiêu thiên chi phục đán; thọ tề Thái nhạc, kiêu chiêm Thuấn nhật chi trường huy.

Hạc phát bất xâm, thọ vực đồng đảng tỷ tỷ; quy linh trường tại, xuân đài cộng lạc hy hy.

Văn bản bản, tiệm phần hồng quy, duy quân sở mệnh, duy quân sở sử. Võ tế tế, trường thư ký túc, vị quốc chi quang, vị quốc chi cơ.

Tuế tỷ phong đảng, tái tục thương sương chi vịnh; dân mông an lạc, hàm ca phú thứ chi tuy.

Thực lại tôn thần chi gia huệ dã.

Kỵ:

Ngũ phương Thổ Công tôn thần.

Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân.

Bốn chi tiên viễn nam nữ đẳng chư tiên linh.

Cập:

Tả hữu dục vệ thị tòng nhất thiết uy linh đồng lai phối hưởng.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Rằng: Hoàng hiệu... niên. Phủ Thừa Thiên, huyện Hương Trà, tổng..., làng Thanh Phước. Tiên chỉ..., Thứ chỉ..., Nhiếp tế..., Phân hiến..., Chấp lệnh... cùng toàn thể dân làng.

Kính dâng:

Tất cả cỗ bàn bò, heo, xôi, hào soạn, mũ đai, xiêm bào, giày ủng, túi khăn, giấy vàng bạc, rượu trong.

Kính cáo với:

Bổn thổ Thành Hoàng Quốc cữu đại vương, Đặc tấn phụ quốc thượng tướng quân, Cẩm Y vệ Đô chỉ huy, Tuần kiểm sứ Niêm Long hầu gia tặng Bảo an Chính trực Hựu thiên Đôn ngưng Dục bảo Trung hưng Hộ quốc Tỳ dân Tĩnh hậu trung đẳng tôn thân.

Kính nghĩ rằng:

Tôn thân đã khai sáng ắt đầu tiên, cảm đội ơn lớn mở đầu, thịnh vượng trước sau toàn do ơn trạch lưu truyền.

Ngửa trông muôn đời như thấy rõ, tôn thờ vạn thế chẳng dời. Năm tháng trôi qua, đều thiết tha tưởng niệm, gặp lúc ngày kỵ, báo đáp nào quên. Đức đã thịnh thay, lễ xin chứng giám. Dưới đàn ung dung, cúi mình kính bạch lòng thành; trước án vái lạy, dâng cỗ bàn rót rượu, mong được xét soi, ngõ hầu cảm cách.

Xin nguyện: Công cao tế độ, đức lớn duy trì, để toàn thể trong làng phúc sánh thương lang, vui hưởng trời Nghiêu lại sáng; thọ so núi Thái, ngắm trông ngày Thuấn sáng hoài. Tóc bạc chẳng thay, cõi thọ cùng lên sánh bước, tuổi rùa nổi mãi, đầu xuân cùng thỏa hây hây.

Văn tốt tươi, tiến dân đường lớn, được vua sai sử; võ phấn đấu, ruổi dài vó ký, vì nước sáng tươi.

Năm được trúng mùa, tiếp nói lời ca kho lẫm; dân đều an lạc, vui niềm giàu có đông nhiều.

Thật là nhờ tôn thân đã ban ơn huệ vậy.

Và xin mời:

Ngũ phương Thổ Công tôn thân.

Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân.

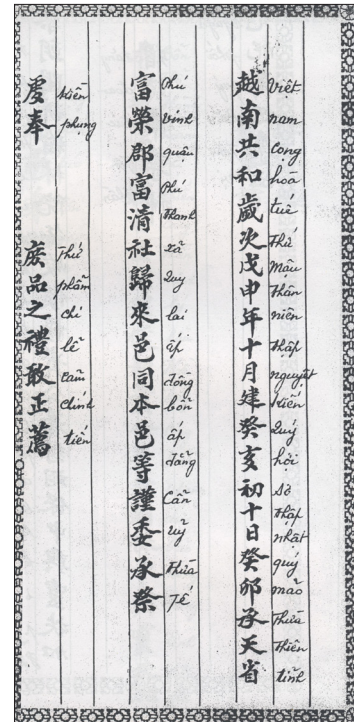
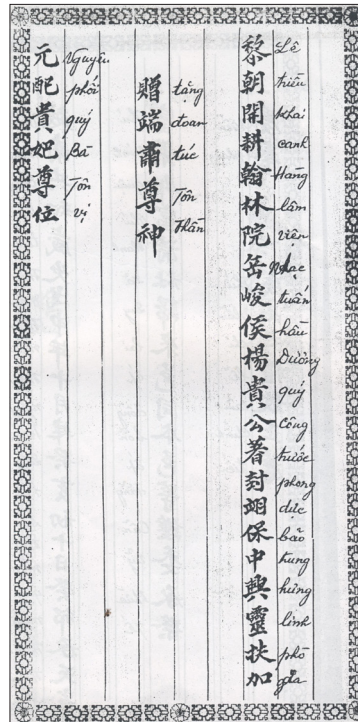
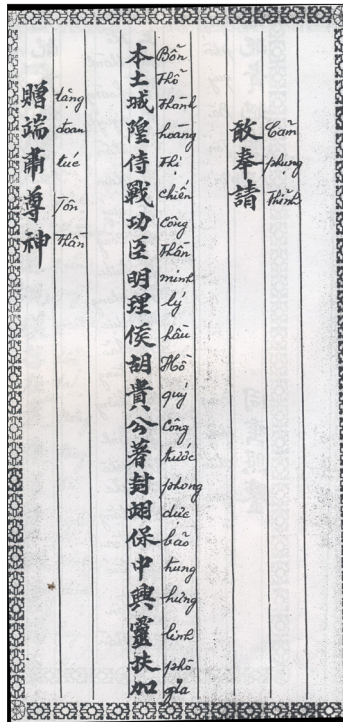
Tất cả tiên linh nam nữ xa trước của bổn chi.

Cùng:

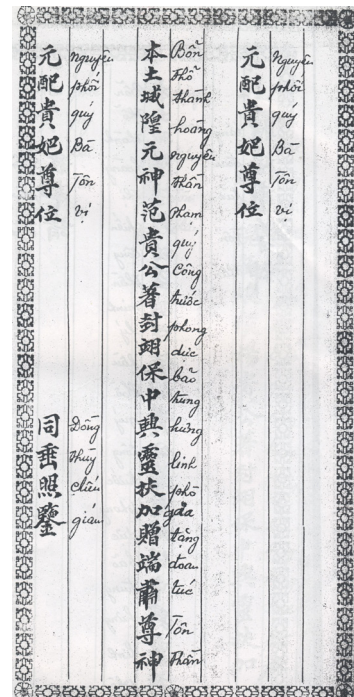
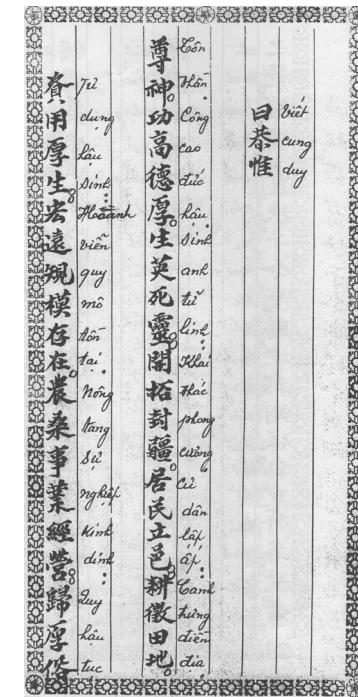
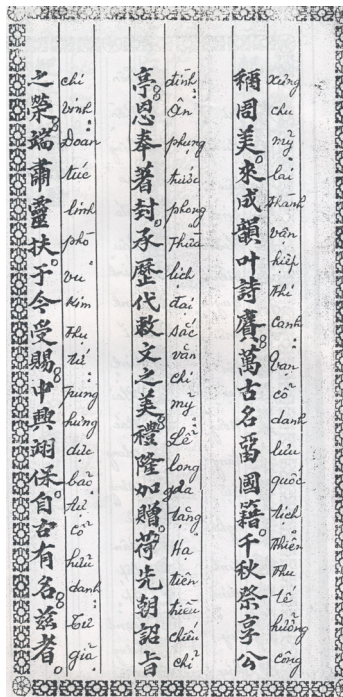
Tả hữu dục vệ tất cả oai linh theo hầu đều đến phối hưởng.

Kính cáo.

VĂN CHÁNH KÝ KHAI CANH LÀNG QUY LAI⁽¹⁾

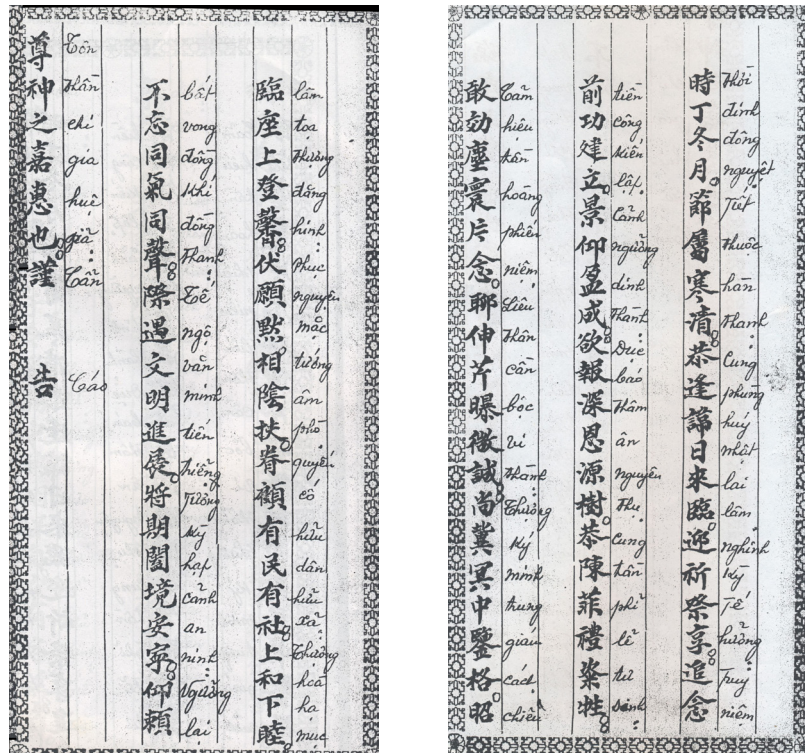


Văn Chánh ký Khai canh làng Quy Lai, trang 1-3, từ phải sang.



Văn Chánh ký Khai canh làng Quy Lai, trang 4-6, từ phải sang.

⁽¹⁾ Chánh ký ngày 10 tháng Mười âm lịch. Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.



Văn Chánh ký Khai canh làng Quy Lai, trang 7-8, từ phải

Phiên âm:

Việt Nam Cộng hòa, tuế thứ Mậu Thân niên, thập nguyệt kiến Quý Hợi, sơ thập nhật, Quý Mão. Thừa Thiên tỉnh, Phú Vang quận, Phú Thanh xã, Quy Lai ấp, đồng bốn ấp đẳng cẩn ủy:

Thừa tế...

Kiểm phụng... thứ phẩm chi lễ.

Cảm chính tiến:

Lê triều Khai canh Hàn Lâm Viện Nhạc Tuấn hầu Dương quý công, trước phong Dực bảo Trung hưng Linh phò, gia tặng Đoàn túc tôn thân.

Nguyên phối quý bà tôn vị.

Cảm phụng thỉnh:

Bổn thổ Thành Hoàng Thị chiến công thần Minh Lý hầu Hồ quý công trước phong Dực bảo Trung hưng Linh phò, gia tặng Đoàn túc tôn thân.

Nguyên phối quý bà tôn vị.

Bổn thổ Thành Hoàng nguyên thần Phạm quý công trước phong Dực bảo Trung hưng Linh phò, gia tặng Đoàn túc tôn thân.

Nguyên phối quý bà tôn vị.

Đồng thù chiếu giám.

Viết cung duy tôn thân:

Công cao đức hậu, sinh anh tử linh. Khai thác phong cương, cư dân lập ấp. Canh trung điền địa, tư dụng hậu sinh. Hoàng viễn quy mô tồn tại, nông tang sự nghiệp kinh dinh. Quy hậu tục xưng Chu mỹ; lai thành vận hiệp Thi canh. Vạn cổ danh lưu quốc tịch; Thiên thu tế hưởng công đình.

Ân phụng trước phong, thừa lịch đại sắc văn chi mỹ. Lễ long gia tặng, hạ tiên triều chiếu chỉ chi vinh.

Doan túc Linh phò, vu kim thụ tứ.

Trung hưng Dục bảo, tự cổ hữu danh.

Tư giả, thời đình, đông nguyệt, tiết thuộc hàn thanh.

Cung phùng húy nhật lai lâm, nghinh kỳ tế hưởng.

Truy niệm tiền công kiến lập, cảnh ngưỡng doanh thành.

Dục báo thâm ân nguyên thụ, cung trần phi lễ tư sinh.

Cảm hiệu trần hoàn phiến niệm, liêu thân cần bộc vi thành.

Thượng ký minh trung giám cách; chiêu lâm tòa thượng đẳng hình.

Phục nguyện:

Mặc tướng âm phò, quyển cổ hữu dân hữu xã. Thượng hòa hạ mục, bất vong đồng khí đồng thanh.

Tế ngộ văn minh tiến triển, tương kỳ hạp cảnh an ninh.

Ngưỡng lại:

Tôn thân chi gia huệ dã.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Lược phần mở đầu và danh sách các thân, xem phần phiên âm]

Kính nghĩ tôn thân:

Công cao đức dày, sống khôn thác thiêng.

Khai thác cõi bờ, quy dân lập ấp. Canh trung ruộng đất, đủ dùng đời sau.

Quy mô rộng lớn vẫn còn, sự nghiệp nông tang khai mở. Trở về thuần hậu, tục xưng vẻ đẹp đời Chu. Muôn thuở danh truyền ngoài nước, ngàn năm tế ở đình chung.

Ôn đã được phong, vâng lịch đại sắc văn tốt đẹp. Lễ thêm tăng trật, cảm tiên triều ban chiếu vẻ vang. Ngay thẳng, phò thiêng đến nay nhận mệnh. Trung hưng, giúp đỡ, từ cổ nổi danh.

Nay ngày đình tháng mùa đông, tiết lạnh, gặp ngày húy nhật, rước cầu tế tự.

Truy niệm công xưa xây dựng, ngừa trông tạo thành. Muôn báo ơn sâu của cây, của nguồn, kính bày lễ mọn xôi heo. Xin bắt chước suy niệm của cõi đời, tỏ

rõ lòng thành dâng vật mọn. Ngửa mong: trong cõi u minh chứng giám, giáng lâm trên tòa ngát hương.

Cúi nguyện:

Thần ban giúp đỡ, thương xót lấy dân lấy làng. Trên thuận, dưới hòa, chẳng quên cùng thanh cùng khí. Gặp thời văn minh tiến triển, mong cho khắp cõi an ninh.

Ngưỡng nhờ:

Tôn thần ban cho ơn huệ vậy.

Kính cáo.

BÀI VĂN TẾ BÀ TƠ LÀNG BÁC VỌNG ĐÔNG⁽¹⁾

Ở làng Bác Vọng, ngoài hệ thống di tích phủ chính của chúa Nguyễn Phúc Chu, còn có ngôi miếu thờ Bà Tơ, người ta cứ đơn giản gọi là miếu Bà Tơ. Bà Tơ là ai? Dân làng không biết đích xác, chỉ nghe tương truyền rằng bà là người phụ nữ sống trên ghe (cũng có người kể bà họ Trần, một trong thập nhị tôn phái của làng), làm nghề bán tơ tằm, giúp Nguyễn Hoàng trong lần vượt biển vào Thuận Hóa năm 1600, được làng Bác Vọng Đông lập miếu thờ, hàng năm tế lễ. Câu chuyện do nhân dân truyền tụng ấy giống với những gì *Đại Nam liệt truyện* kể trong mục tiểu sử Nguyễn Ứ Kỷ.⁽²⁾ Sách kể rằng bà Phạm Thị Công (*Đại Nam nhất thống chí* chép Phạm Thị Tôm) người huyện Yên Mô (thời Lê thuộc Thanh Hoa ngoại trấn, thời Nguyễn thuộc tỉnh Ninh Bình), sống trên ghe, làm nghề bán tơ tằm. Năm 1600, Nguyễn Hoàng từ Thăng Long vượt biển trốn vào Thuận Hóa, ra cửa Thần Phù, bị quân Trịnh đuổi gấp. Nguyễn Ứ Kỷ sai lính chèo hết sức, dây buộc mái chèo đứt cả. May gặp bà Công dâng một bó tơ sống làm dây buộc, thuyền lại đi nhanh. Bà Công theo vào Thuận Hóa, khi chết được tặng Thị tòng hồ giá Phạm phu nhân. Theo truyền thuyết ở làng Bác Vọng Đông, khi đến Thuận Hóa, bà vẫn sống trên ghe ở vùng đầm phá Tam Giang, được các chúa Nguyễn cho sở hữu một khoảnh ngư trường, gọi là “Trộ Bã Mía” (nơi chúa Tiên dừng nghỉ, ăn mía vắt bã xuống), sau dân làng được thừa hưởng, nên lập miếu thờ bà, gọi là miếu Bà Tơ, vì không biết họ tên thật của bà mà chỉ biết chuyện bà dùng tơ giúp chúa Nguyễn thoát khỏi sự truy đuổi của quân Bắc Hà. Còn Phạm Thị Tôm thì không thấy sự tích chép ở sách nào khác ngoài *Đại Nam nhất thống chí*, duy danh sách thần kỳ của làng Nam Trường (nay thuộc xã Nghi Giang, huyện Phú Lộc) vùng đầm phá Cầu Hai có tên Bà Tôm, dân sở tại cũng chẳng biết gì về nữ thần này.

⁽¹⁾ Nay thuộc xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

⁽²⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1995) *Đại Nam liệt truyện tiên biên*, bản dịch: Cao Tự Thanh, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 130.

Xưa kia, hàng năm, nhân dân tổ chức hai lần cúng tế, lần thứ nhất ngày 11 và 12 tháng Giêng, gọi là lễ Minh niên, lễ vật gồm bò, lợn, vịt, mỗi thứ một con; lần thứ hai ngày 18 tháng Năm, là lễ Hủy nhật (giỗ), phẩm vật gồm bò, lợn, xôi, rượu... đủ cả, lại có trò đua ghe khá sôi nổi trên Sông Bò, đoạn chảy qua trước miếu. Người ta cũng tổ chức lễ hội cầu ngư tại miếu, mặc dù đánh cá không phải là nghề chính của dân làng.

Bài văn tế chữ Hán trong lễ giỗ Bà Tơ nội dung cho thấy khá khớp với chuyện bà Phạm Thị Công mà sách *Liệt truyện* kể như đã dẫn trên đây.

恭惟尊婆國妣聖母娘娘陳進功勳神后正神敕封齋靜翊保中興加贈莊徽中等神

降神毓秀

扈聖同參

濟艱危於絲線一縷婦人而豪傑

明勳績於金牌兩面女子即功神

酬勳之典有加三江賜里

樂利之休也遠百世蒙恩

適以今辰

須臨諱日

明年恭行菲禮

牲粢既潔式昭

虔報于丹忱魚蟹不勝貯見興歌於於物如此寔多賴尊婆之惠也謹告

Phiên âm:

Cung duy Tôn bà Quốc tỷ Thánh mẫu nương nương trần tiến công huân, thần hậu chính thần, sắc phong Trai tinh Dực bảo Trung hưng, gia tặng Trang huy trung đẳng thần.

Giáng thần dục tú; Hồ thánh đồng tham.

Tế gian nguy ư ty tuyến nhất lâu, phụ nhân nhi hào kiệt;

Minh huân tích ư kim bài lưỡng diện, nữ tử tức công thần.

Thù huân chi điển hữu gia, Tam Giang tứ lý;

Lạc lợi chi hư dã viễn, bách thế mông ân.

Thích dĩ kim thời; Tu lâm hủy nhật.

Minh niên cung hành phi lễ; Sanh tư ký khiết thức chiêu.

Kiến báo vu đan thâm, ngư miết bắt thặng trừ kiến. Hưng ca ư ư vật như thử thực đa lại Tôn bà chi huệ dã.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Kính nghĩ: Lệnh bà cao quý là Quốc tử Thánh mẫu nương nương:

Tỏ rõ công to, đứng hàng thần chính, được sắc phong Trai tĩnh Dực bảo Trung hưng, tặng thêm Trang Huy trung đẳng thần.

Từ xuống cõi trần. Giúp phò bệ thánh.

Một bó tơ mà cứu thoát gian nguy, đàn bà nhưng hào kiệt;

Hai thẻ bạc còn khắc ghi sự tích, con gái cũng công thần.

Lệ thêm khen thưởng công đầu, Tam Giang ban cấp;

Đời mãi chung vui lợi lớn, trăm thừa nhờ ơn.

Gặp buổi hôm nay; Đến ngày cúng giỗ.

Năm mới kính dâng lễ lớn; Thịt xôi xếp đặt tinh tươm.

Chút chi báo đáp tác lòng, trông thấy tôm cua rùa cá dồi dào thế kia, mừng vui khôn xiết, thật là nhờ ơn đức của Tôn bà vậy thay!

Kính cáo.

VĂN TẾ PHỤ NỮ LÀNG MỸ LỢI⁽¹⁾

Trong khi khảo sát diền dã tại Mỹ Lợi, chúng tôi còn thấy một hội đặc biệt, gọi là Hội Mỹ Ích, hàng năm "hiệp tế" tại đình chợ. Có lẽ xưa kia, người ta vẫn có tổ chức cúng bái ở chợ, nhưng chỉ là cái lễ bình thường, vào dịp đầu xuân hay trước khi nghỉ Tết. Mãi đến năm 1851, sau khi thi đỗ Tiến sĩ, Hoàng Văn Tuyển tổ chức một đám tế lớn để tạ ơn, rồi đứng làm hội thủ, cùng với Phan Hưng Nhượng, Trương Viết Hùng, Nguyễn Lương Ký, Trương Văn Tráng, Phan Phát Ngôn đưa đơn xin thành lập Hội Mỹ Ích, nhằm mục đích cầu an, đoàn kết, tương trợ. Hội phát triển dần, được cả chợ, cả làng hưởng ứng. Hàng năm lấy ngày 12 tháng Hai âm lịch tổ chức một đợt hiệp tế từ sớm đến chiều, do các chi hội phụ trách, địa điểm là khu đình chợ Mỹ Lợi. Các cuộc tế lần lượt diễn ra, gồm tế cô hồn, tế tiền hiền nam giới, tế tiền hiền phụ nữ, khác với tập tục chạp mả làng và cúng cô hồn. Tế tiền hiền thì do chi hội Tư Văn phụ trách, kỷ niệm chung những người chết vốn là quan lại văn võ (tiền quan cổ chức), hương chức, thầy đồ, thầy khóa, kẻ sĩ hiền đạt hay không. Tế phụ nữ do chi hội phụ nữ phụ trách, được "quý ông" giúp đỡ, dù phụ nữ được kỷ niệm chủ yếu là vợ của các "tiền hiền" nói trên, nhưng đây cũng là điểm đặc biệt không đâu có. Sau mỗi đợt tế xong, hạ cỗ, thì tất cả những người nghèo khổ và hành khát đều được mời thừa hưởng dư huệ. Cả ba đợt tế đều dùng những bài văn biền ngẫu bằng chữ Nôm do ông Hoàng Văn Tuyển làm từ năm Kỷ

⁽¹⁾ Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và giới thiệu.

Tỳ (1869) nay còn chép trong phổ của Hội Mỹ Ích (trước kia, bài văn tế Nôm đều có văn cáo bằng chữ Hán). Sau đây xin thêm âm bài văn tế chữ Nôm như sau:

TẾ TIỀN HIỀN PHỤ NỮ VĂN

Hỡi ơi!

*Một thửa vầy nên bạn ngọc, khách soa thường⁽¹⁾ mà gắn chặt keo sơn;
Trăm năm xin tạc lòng vàng, lễ cầu ứng những ngậm ngùi kim cái.⁽²⁾*

Nhớ linh xưa:

Ở giữa lòng hòa;

Làm nên sự phải.

Ăn chung lo lộn, chữ đồng tâm noi dấu với người ta;

Đi trước bước đầu, câu tác thiện làm gương cho kẻ gái.

Từ thửa bắt tay làm bạn, đông có thầy, tây có tớ, hiệp một nhà bốn biển vầy nên;

Cùng nhau coi mặt đặt tên, người có của kẻ có công, làm lên núi ba cây sum lại.

Rày dựng nhiều tay võ nên tiếng, việc trai thành lo trọn vẹn thủy chung;

Những khi ăn trái nhớ kẻ trồng, lòng báo đáp kẻ càng nhiều công ngãi.

*Cũng tưởng rậm người hơn rậm của, một lòng một dạ, hỡi vui vầy bèo hiệp
với sen;*

Nào hay khi hợp có khi tan, khuất mặt khuất lời, nữ tội vãi thuyền kia xa lái!

Ôi thôi thôi!

Nghĩa dứt nguồn ân;

Lụy chan bể ái!

Tưởng trăm năm xin nhớ chút tình;

Dầu muôn thửa đem lòng cảm khái.

Châm chước vài tuần rượu lạt, dầu cách phân đôi ngả âm dương;

Xét soi một tấm lòng thành, xin bảo hộ ngàn năm khương thái.

Thương thay! Xin hưởng!

II. CÁC BÀI VĂN TẾ VĂN THÁNH VÀ VÕ THÁNH

1. Tế Văn Thánh

Ngày xưa, ở nước ta, từ thời nhà Lý, chỉ triều đình mới dựng miếu thờ Khổng Tử tại kinh đô, thời nhà Lê thì mở rộng đến các phủ, và quy định cách thờ cúng

⁽¹⁾ Khách soa thường: chỉ phụ nữ (soa hay thoa là cây cài tóc, thường là áo).

⁽²⁾ Kim cái: cái kim và hạt cái, chỉ tình vợ chồng hòa hợp, gắn bó. Theo *Kinh Dịch*, không phải chỉ có những vật đồng loại mới có sự tương cảm mà cũng có những sự tương cảm đối với những vật khác loại như từ thạch hút kim, hổ phách hút hạt cái.

hàng năm, gọi là Văn Miếu. Từ thế kỷ XVII, ở xứ Đàng Trong, các chúa Nguyễn cũng dựng Văn Miếu tại phủ chính hay bên ngoài phủ chính, đến thời nhà Nguyễn thì Văn Miếu ở làng An Ninh (nay thuộc phường Hương Long, thành phố Huế). Theo bài văn khắc chuông miếu Văn Thánh tại làng Bác Vọng của Đặng Huy Trứ thì trong dân gian không có Văn Miếu, đến thời Tự Đức, các xã thôn mới bắt đầu được phép xây dựng miếu thờ Khổng Tử, dân gian gọi là Văn Miếu, Thánh Miếu hay Văn Chi, nhưng cũng không đều khắp.

Ta biết thời nhà Nguyễn, vua Gia Long mang ơn giám mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) nhiều trong thời gian chống Tây Sơn nên việc truyền đạo Gia Tô được tương đối dễ dàng, nhưng sau khi vua Minh Mạng nối ngôi, những người Pháp làm quan tại triều đình Huế mòn mỏi hết, thì tình hình càng lúc càng căng thẳng, đến vua Tự Đức thì thắt chặt hơn, năm 1854 ban hành điều lệ cấm đạo chính thức gồm bốn khoản, nặng nhất là khoản thứ hai, bắt được đạo trưởng Tây Dương thì chém đầu bêu rồi quăng xác xuống sông, con chiên Tây Dương và đạo trưởng bản quốc thì chém ngay, con chiên bản quốc thì đày đi đồn bảo biên giới. Có lẽ để hạn chế người theo đạo mới, vua Tự Đức hạ chỉ cho lập Văn Miếu tại các địa phương, truyền “đạo thánh hiền” ngõ hầu đối phó với việc truyền đạo Gia Tô. Từ đó, các làng ở Huế bắt đầu dựng Văn Miếu, thường gọi là Văn Chi, hàng năm có lễ tế vào mùa xuân, mùa thu, nhất là những làng nổi tiếng văn hiến như Thanh Lương, Phước Yên, Dương Xuân, Mỹ Lợi... Trải qua thời gian chiến tranh, hiện nay miếu hoặc đã đổ nát tiêu vong, hoặc chỉ còn dấu tích như Văn Miếu làng Bác Vọng, Phước Yên, Dương Xuân, Triều Sơn, Mỹ Lợi... Tất nhiên lễ tế Khổng Tử của một làng không thể sánh bằng lễ tế của triều đình, nhưng cũng được nhân dân tham gia nhiệt tình để mong cho con em mình cũng thăng tiến trên đường lập sự nghiệp. Sau đây xin giới thiệu một số bài văn tế thánh tiêu biểu.

VĂN TẾ VĂN THÁNH LÀNG THỦ LỄ⁽¹⁾

敢告于	恭惟至聖
至聖先師孔子	宇宙萬世
配享	師表百王
復聖顏子之位	等而上行天之日月
尊聖曾子之位	出乎類飛鳥之鳳凰
述聖子思之位	上明堯舜禹湯條理集大成于前聖

⁽¹⁾ Bài này dùng trong lễ Xuân đình. Ngoài ra, làng Thủ Lễ còn một bài tế Văn Miếu dùng trong dịp Thu tế, nội dung cũng tương tự bài này nên chúng tôi xin lược. Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

亞聖孟子之位	下啟關閩濂洛途轍標來學之景行
從祀	溯淵源之所蓋悠久而無疆
東哲列位先賢	世幾經風雨晦冥奚損太和之氣
西哲列位先賢	道備載典謨雅誥長留東壁之光
曰	大哉峻極
恭惟先聖	於戲不忘
道百世共由乃天德本然之理	雖歷朝唐奠漢祠九十其儀想未達三關之闡奧
祭五經為重在人心不泯之良	况一社山羞野酌粗疏之禮曷已通萬仞之宮牆
天開旭日	尚祈降鑒
因憶秋陽	錫以熾昌
	謹告

Phiên âm:

Cảm cáo vu:

Chí thánh Tiên sư Khổng Tử.

Phối hưởng:

Phục thánh Nhan Tử chi vị.

Tôn thánh Tăng Tử chi vị.

Thuật thánh Tử Tư chi vị.

Á thánh Mạnh Tử chi vị.

Tòng tự:

Đông triết liệt vị tiên hiền.

Tây triết liệt vị tiên hiền.

Viết:

Cung duy tiên thánh:

Đạo bách thế cộng do nãi thiên đức bản nhiên chi lý;

Tế ngũ kinh vi trọng tại nhân tâm bất泯 chi lương.

Thiên khai húc nhật;

Nhân ức thu dương.

Cung duy chí thánh:

Vũ trụ vạn thế;

Sư biểu bách vương.

Đẳng nhi thượng hành thiên chi nhật nguyệt;

Xuất hồ loại phi điều chi phượng hoàng.

*Thượng minh Nghiêu Thuần Vũ Thang, điều lý tập đại thành vu tiên thánh;
Hạ khái Quan Môn Liêm Lạc, đồ triết tiêu lai học chi cảnh hàng.*

Tổ uyên nguyên chi hữu sở;

Cái du cứu nhi vô cương.

Thế cơ kinh phong vũ hối minh, hệ tồn thái hòa chi khí;

Đạo bị tải điển mô nhĩ cáo, trường lưu đông bích chi quang.

Đại tai tuần cực;

Ư hý bất vương.

*Tuy lịch triều Đường điện Hán từ, cứu thập kỳ nghi, tướng vị đạt tam quan
chi khôn áo;*

Hướng nhất xã sơn tu dã chước, thô sơ chi lễ, hạt dĩ thông vạn nhận chi cung tường.

Thượng kỳ giảng giám;

Tích dĩ xí xương.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Xin cáo lên:

[Lược danh sách các thánh, xem phần phiên âm]

Rằng:

Kính nghĩ tiên thánh:

Đường trăm thế cùng đi,⁽¹⁾ thiên đức rõ ràng lẽ phải;

Tề năm kinh rất trọng, nhân tâm tốt đẹp sự thường.

Được ngày nắng ráo;⁽²⁾

Nhân nhớ thu dương.

Kính nghĩ chí thánh:

Đất trời muôn thừa;

Thầy dạy trăm vương.

Bay trên cõi mây trời cùng nhật nguyệt;

Vượt khỏi loài lông cánh như phụng hoàng.

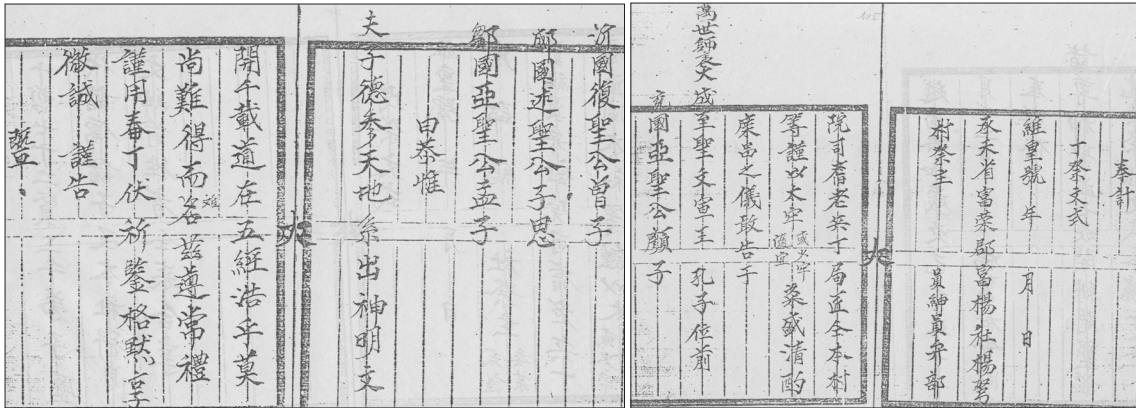
⁽¹⁾ Đạo sở cộng do: Khổng Tử nói: “道路也人所共由何人不出由戶 Đạo, lộ dã. Nhân sở cộng do, hà nhân bất xuất do hộ?” (Đạo là con đường. Người ta cùng đi ở đó. Ai lại không từ cửa nhà mà đi ra). Ý rằng Đạo chung cho tất cả.

⁽²⁾ Nguyên chú: 春則曰天開旭日秋則曰天開圭月 Xuân tắc viết: Thiên khai húc nhật, thu tắc viết: Thiên khai khuê nguyệt (Mùa xuân thì viết: “Thiên khai húc nhật” - Trời cho ngày nắng, mùa thu thì viết: “Thiên khai khuê nguyệt” - Trời cho tháng đẹp).

Trên soi Nghiêu Thuấn Vũ Thang,⁽¹⁾ châm chước mà tổng hòa cái nền thánh triết;
 Dưới mở Quan Mân Liêm Lạc,⁽²⁾ sẵn sàng mà nêu rõ cái học nho hàng.
 Ngược lên nguồn thì có chỗ đến;
 Dõi đến ngọn thì không nơi dừng.
 Thế trải qua mưa gió tối mờ, cái khí thái hòa chẳng sút;
 Đạo đủ cả điển mô nhã cáo, ánh ngôi đông bích⁽³⁾ còn vương.
 Cao thay lớn nhỏ!
 Bao xiết lòng thương.
 Tuy các triều miếu Hán điện Đường, nghi thức đủ đầy, tưởng chưa đến tam
 quan thành quách;
 Huống một xã rượu quê thịt núi, cỗ bàn hèn mọn, sao được qua muôn thước
 cung tường.
 Cầu xin soi xét;
 Cho được hưng xương.
 Kính cáo.

-
- (1) Nghiêu Thuấn Vũ Thang: bốn vua cổ nhất thời hữu sử Trung Quốc. Vua Nghiêu (2357 TCN - 2255 TCN), người đất Đường, nên gọi là Đường Nghiêu. Vua Thuấn (2255 TCN - 2208 TCN), người ở đất Ngu nên gọi là Ngu Thuấn. Vua Vũ (2208 TCN - 2197 TCN), được vua Thuấn truyền ngôi, lập nên nhà Hạ, bỏ chế độ truyền hiền, mở ra chế độ thế tập. Vua Thang hay Thành Thang (1766 TCN - 1753 TCN), diệt vua Kiệt nhà Hạ mà lập nên nhà Thương.
- (2) Quan Mân Liêm Lạc: bốn học phái nhà nho thời Tống ở Trung Quốc, phát huy tư tưởng Khổng Mạnh. Quan phái của Trương Tải (1020-1076), tự Tử Hậu, người đất Đại Lương thuộc tỉnh Hà Nam, đỗ Tiến sĩ, làm quan ít lâu thì từ về, làm nhà ở Lam Sơn, phía nam thành Trường An, tỉnh Thiểm Tây, nhân đặt tên chỗ ở là Hoàn Cù và lấy làm hiệu, mở trường dạy học, viết hai bài *Đông minh*, *Tây minh* khắc hai bên chỗ ngồi, và viết sách *Dịch thuyết*. Vì ông ở đất Quan Trung, nên đời sau gọi là Quan phái. Mân phái của Chu Hy (1130-1200) tự Nguyên Hối, sau đổi Trọng Hối, hiệu Hối Am, người huyện Vụ Nguyên, tỉnh An Huy, đỗ Tiến sĩ, làm quan ít lâu rồi bỏ về, tìm đến Diên Bình, huyện Nam Bình, tỉnh Phúc Kiến, theo học với Lý Đổng, làm nhà học tên Trúc Xá trong núi Vũ Di ở huyện Sùng An, phủ Kiến Ninh, tỉnh Phúc Kiến. Ông chú giải hầu hết kinh điển của nhà nho, trở thành định luận cho học trò các triều đại kế tiếp. Vì tỉnh Phúc Kiến còn có tên Mân, nên đời sau gọi cái học của ông là Mân phái. Liêm phái của Chu Đôn Di (1017-1073), tự Mậu Thúc, người Đạo Châu, tỉnh Hồ Nam, sau một thời gian làm quan, vì bệnh hoạn, lui về làm nhà bên dòng khe ở núi Liên Hoa thuộc Lu Sơn, tự đặt tên khe là Liêm Khê và lấy làm hiệu, cho nên đời sau gọi cái học của ông là Liêm phái. Ông viết cuốn *Thái cực đồ thuyết* bày tỏ tư tưởng của mình. Lạc phái của hai anh em Trình Hạo và Trình Di. Trình Hạo (1032-1085) tự Bá Thuần, người tỉnh Hà Nam, theo học với Chu Đôn Di, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Giám sát ngự sử. Em ông là Trình Di (1033-1107) tự Chính Thúc, hiệu Y Xuyên, trước cũng là môn đệ của Chu Đôn Di, sau vào nhà Thái Học, rồi làm giáo thụ ở Quốc Tử Giám, từng bị dèm pha, bị bắt giam và giải tán học trò. Ông viết các sách *Dịch truyện*, *Xuân Thu truyện*, *Mạnh Tử giải*. Vì hai anh em họ Trình đều mở nhà học ở Lạc Dương, nên đời sau gọi là Lạc phái. Chia ra bốn phái, nhưng đều là Nho học, đại đồng tiểu dị.
- (3) Đông bích: nơi cất chứa sách vở. Bích là tên một ngôi sao sáng ở chòm sao 7 ngôi phía đông trên bầu trời, chỉ sách vở.

VĂN TẾ VĂN THÁNH MÙA XUÂN LÀNG DƯƠNG NỔ⁽¹⁾



Đình tế văn thức làng Dương Nổ, trang 2.

Đình tế văn thức làng Dương Nổ, trang 1.



Đình tế văn thức làng Dương Nổ, trang 3.

Phiên âm:

ĐÌNH TẾ VĂN THỨC LÀNG DƯƠNG NỔ

Duy hoàng hiệu... niên... nguyệt... nhật.

Thừa Thiên tỉnh, Phú Vang quận, Dương Nổ xã, Dương Nổ thôn tế chủ... viên thân viên biên bộ viện ty, kỳ lão binh đình, cục tượng đồng bốn thôn đẳng cần dĩ:

Thái lao (hoặc thiếu lao tùy nghi) tư thịnh thanh chúc thứ phẩm chi nghi.

Cảm cáo vu:

Vạn thế Sư biểu Đại thành Chí thánh Văn Tuyên Vương Không Tử vị tiên.

Sung quốc Á thánh công Nhan Tử.

Nghi quốc Phục thánh công Tăng Tử.

Thành quốc Thuật thánh công Tử Tư.

Trâu quốc Á thánh công Mạnh Tử.

Viết cung duy:

Phu tử đức tham thiên địa, hệ xuất thần minh. Văn khai thiên tải, đạo tại Ngũ kinh. Hạo hồ mạc thượng, nan đắc nan danh. Tư tuân thường lễ, cần dụng Xuân đình. Phục kỳ giám cách, mặc hưởng vi thành.

Cẩn cáo.

Kỵ:

Thập triết, thất thập nhị hiền, tam thiên đệ tử.

⁽¹⁾ Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.

Lịch đại chư nho, chư tử.

Cập bốn xã khoa mục văn thân tiên vãng giả đồng lai hợp hưởng.

Dịch nghĩa:

[Lược phần mở đầu]

Kính nghĩ rằng:

Phu tử đức tham dự cùng trời đất, hệ phái từ bậc thần minh. Mở nền văn ngàn đời, đường lối ở tại Ngũ kinh. Mênh mông không có gì ở trên, khó được, khó gọi tên.

Nay nhân thường lễ, kính tế Xuân đình.

Cúi mong soi xét, phù hộ lòng thành.

Kính cáo.

Và xin mời:

Thập triết, thất thập nhị hiền, ba ngàn đệ tử, các tiên nho, chư tử các đời.

Và các văn thân, khoa mục quá cố của bản làng cùng đến hợp hưởng.

TẾ THÁNH VĂN LÀNG MỸ LỢI⁽¹⁾

祭聖文

敢告于	出類拔萃
至聖先師孔子	生知安行
復聖顏子	繼往開來為萬世之尊主
尊聖曾子	金聲玉振集群聖之大成
述聖子思子	具二世三王之道於一身該乎穹壤
亞聖孟子	垂五經四書之文於萬古彰夫日星
暨	約禮博文共沐杏壇雨化
先哲列位	成材達德咸霑洙泗教聲
先賢列位	自此而譽髦斯士
先儒列位	從斯而文運大亨
及本社文武前官前職列位	茲屬秋天令節恭陳禮事
曰	惟明願其感格錫以康寧
恭惟聖師	謹告

⁽¹⁾ Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

Phiên âm:

Cảm cáo vu:

Chi thánh Tiên sư Khổng Tử.

Phục thánh Nhan Tử.

Tôn thánh Tăng Tử.

Thuật thánh Tử Tư tử.

Á thánh Mạnh Tử.

Ky:

Tiên triết liệt vị.

Tiên hiền liệt vị.

Tiên nho liệt vị.

Cập bốn xã văn võ tiền quan tiền chức liệt vị.

Viết:

Cung duy thánh sư:

Xuất loại bạt tụy;

Sinh tri an hành.

Kế vãng khai lai, vi vạn thế chi tôn chủ;

Kim thanh ngọc chấn, tập quần thánh chi đại thành.

Cụ nhị thế tam vương chi đạo ư nhất thân, cai hồ khung nhưông;

Thùy ngũ kinh tứ thư chi văn ư vạn cổ chương phù nhật tinh.

Ước lễ bác văn, cộng mộc Hạnh Đàn vũ hóa;

Thành tài đạt đức, hàm triêm Thù Tư giáo thanh.

Tự thử nhi dự mao tư sĩ;

Tùng tư nhi văn vận đại hanh.

Tư thuộc thu thiên lệnh tiết, cung trần lễ sự; duy minh nguyện kỳ cảm cách, tích dĩ khang ninh.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Xin cáo lên:

[Lược danh sách các thánh, xem phần phiên âm]

Rằng:

Kính nghĩ thánh sư:

Tột vời xuất chúng;

Hơn hết sinh tri.⁽¹⁾

Nói trước mở sau, nói muôn đời mà làm chủ tể;

Tiếng vàng giọng ngọc, hợp các thành mà tập đại thành.

Dù ba vương hai đế⁽²⁾ trong một thân, gồm thâu trời đất;

Truyền bốn sách năm kinh cho muôn thừa, sáng tỏ nhật tinh.

Sửa lễ làm văn, chung gọi Hạnh Đàn⁽³⁾ mưa thấm;

Thành tài nên đức, đều nhuần Thù Tứ⁽⁴⁾ phép lành.

Từ đây thì văn chương mở vận;

Đến nay thì học giới nổi danh.

Nay vào tiết tốt mùa thu, kính bày tế lễ; cầu nguyện thánh thiêng cảm thấu,
cho được khang ninh.

Kính cáo.

VĂN TẾ VĂN THÁNH LÀNG QUY LAI⁽⁵⁾

敢致祭：至聖先師孔子。

配以：復聖顏子。尊聖曾子。述聖子思。亞聖孟子。

暨：十哲七十二賢先賢先生諸靈列位咸來配享。

曰：恭惟先聖。異標河海。胄出神明。超越千古。刊定六經。

光輝潔白成章揭道体于秋陽江漢。

條理始終盡善符德音于玉振金聲。

與天地日月四時合其德奚罄名言之美。

為時代生民萬世開泰運難名功業之成。

茲者：金風送爽。秋水澄清。齋盤薦禮。簞酒登馨。

隆污不繫於漢秦磅礴運一元之氣。

風浴遠希于洙泗潤毛伸半點之誠。

尚鑒茲哉福斯文而篤慶。

過之化也喚萬古以還醒。

(1) Sinh tri: biết sẵn, không học mà biết, sinh ra đã biết. Người xưa chia ra ba hạng, có kẻ sinh ra đã biết, có kẻ phải học mới biết, có kẻ phải học một cách nhọc nhằn mới biết. Khổng Tử được liệt vào hạng “sinh nhi tri chi”, nhưng thật ra, không có ai “sinh nhi tri chi” cả. Khổng Tử cũng phải học hơn nửa đời người, ngài học lễ bằng cách đến tận kinh đô nhà Chu, lúc vào tôn miếu, thấy gì cũng hỏi để biết tường tận, sao gọi là sinh tri được!

(2) Hai đế ba vương: hai vua Nghiêu, Thuấn và ba đời Hạ, Thương, Chu, Nho học hình thành từ đó.

(3) Hạnh Đàn: nơi Khổng Tử ngồi dạy học.

(4) Thù Tứ: tên hai con sông ở quê hương của Khổng Tử.

(5) Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

群而為忠信之風詎曰十室必有。
 鼓之以詩書之化將期多士克生。
 仰賴先聖先賢之餘澤也。
 謹告

Phiên âm:

Cảm tri tế: Chí thánh Tiên sư Khổng Tử.

Phối dĩ: Phục thánh Nhan Tử. Tôn thánh Tăng Tử. Thuật thánh Tử Tư. Á thánh Mạnh Tử.

Kỵ: Thập triết, thất thập nhị hiền, tiên hiền, tiên sinh chư linh liệt vị hàm lai phối hưởng.

Viết: Cung duy tiên thánh:

Dị tiêu hà hải; Trụ xuất thân minh.

Siêu việt thiên cổ; San định lục kinh.

Quang huy khiết bạch thành chương, yết đạo thể vu thu dương giang Hán;

Điều lý thủy chung tận thiện, phù đức âm vu ngọc chấn kim thanh.

Dữ thiên địa nhật nguyệt tứ thời, hợp kỳ đức hệ khánh danh ngôn chi mỹ;

Vì thời đại sinh dân vạn thế, khai thái vận, nan danh công nghiệp chi thành.

Tư giả: Kim phong tống sáng; Thu thủy trừng thanh.

Trai bàn tiến lễ; Hoàng tửu dâng hình.

Long ô bát hệ ư Hán Tân, bàng bạc vận nhất nguyên chi khí;

Phong dục viễn hy vu Thù Tử, giản mao thân bán điểm chi thành.

Thượng giám tư tai, phúc tư văn nhi đốc khánh;

Quá chi hóa dã, hoán vạn cổ dĩ hoàn tinh.

Quần nhi vi trung tín chi phong, cự viết thập thất tất hữu;

Cổ chi dĩ Thi Thư chi hóa, tương kỳ đa sĩ khắc sinh.

Ngưỡng lại, tiên thánh tiên hiền chi dư trạch dã.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Xin tế lên:

[Lược danh sách các thánh, xem phần phiên âm]

Rằng:

Kính nghĩ tiên thánh:

Khác vời hà hải; Cao tột thân minh.

Vượt hơn nghìn thừa; Định lại sáu kinh.

Sáng ngời trong trắng nên văn, nêu đạo bốn nơi cõi thu sông Hán;
 Sấp xếp trước sau rất tốt, hợp đức âm nơi vẻ ngọc tiếng vàng.
 Với đất trời nhật nguyệt bốn mùa, hợp đức âm, đẹp thay lời nói rất hay;
 Vì thời đại nhân dân muôn thừa, mở thái vận, đúng nhẽ công lao khó kể.
 Nay thì: Gió tây sáng mát; Nước thu lặng trong.
 Tiệc chay dâng lễ; Rượu lạt đơm hương.
 Thịnh suy chẳng dính Hán Tần, điều vận khí nhất nguyên bàng bạc;
 Tắm mát đã xa Thù Tứ, tỏ lòng thành nửa điềm mây may.
 Xin xét hôm nay, giúp đỡ mà nâng cao hội Tư văn.
 Sửa bày làm lỗi, gọi vang mà thức tỉnh người vạn cổ.
 Hợp quần thì giữ trung tín làm đầu, bảo rằng mười nhà ắt có;
 Cổ động thì lấy *Thi Thư* mà dạy, hẹn nhau kẻ sĩ sẽ nhiều.
 Ngửa nhờ ơn sâu của bậc tiên thánh tiên hiền vậy.
 Kính cáo.

VĂN TẾ VĂN THÁNH LÀNG HIỀN LƯƠNG⁽¹⁾

敢昭告于	<i>Cảm chiêu cáo vu:</i>
大成至聖先師孔夫子	<i>Đại thành Chí thánh Tiên sư Khổng Phu Tử.</i>
敬以	<i>Kính dĩ:</i>
顏子	<i>Nhan Tử.</i>
僧子	<i>Tăng Tử.</i>
子思	<i>Tử Tư .</i>
孟子	<i>Mạnh Tử.</i>
恭暨	<i>Cung kị:</i>
先賢先儒列位	<i>Tiên hiền tiên nho liệt vị.</i>
及	<i>Cập:</i>
本鄉先生先儒先靈列位全來合享	<i>Bản hương tiên sinh tiên nho tiên linh liệt vị</i>
曰	<i>đồng lai hợp hưởng.</i>
恭惟聖師	<i>Viết:</i>
巍巍莫狀	<i>Cung duy thánh sư:</i>
蕩蕩難量	<i>Nguy nguy mạc trạng;</i>

⁽¹⁾ Nay thuộc xã Phong Hiền, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

創立綱常德隆千古
 刊述六經為萬世師
 秦室雲暗
 漢世日昇
 洋洋名望
 炳炳文章
 德懸日月
 道貫百王
 仰賴聖師扶持之大德也
 謹告

*Đãng đãng nan lương.
 Sáng lập cương thường, đức long thiên cổ;
 San thuật lục kinh, vi vạn thế sư.
 Tàn thất vân âm;
 Hán thế nhật thăng.
 Dương dương danh vọng;
 Bính bính văn chương.
 Đức huyền nhật nguyệt;
 Đạo quán bách vương.
 Ngưỡng lại thánh sư phò trì chi đại đức dã.
 Cẩn cáo.*

Dịch nghĩa:

Xin cáo rõ lên:

[Lược danh sách các thánh, xem phần phiên âm]

Rằng:

Kính nghĩ thánh sư:

Cao xa khó tả; Rộng lớn khôn lường.

Làm thầy tiêu biểu muôn đời, sửa sang kinh tịch;

Luyện đức sáng soi muôn thừa, gây dựng cương thường.

Nhà Tàn mây âm; Thời Hán nắng dương.⁽¹⁾

Vẻ vang danh vọng; Rạng rỡ văn chương.

Đức treo nhật nguyệt; Đạo vượt đế vương.

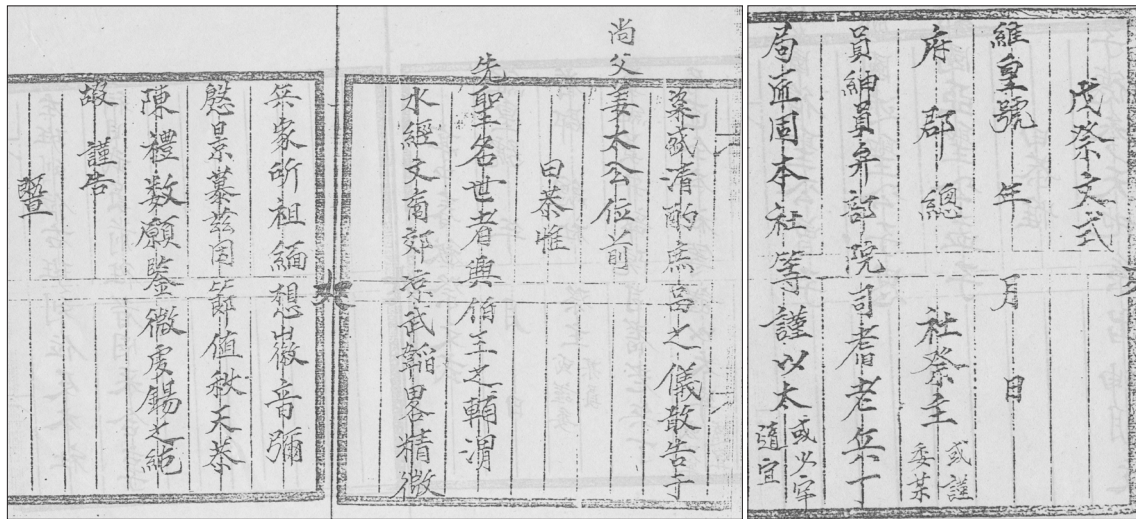
Ngửa nhờ đức lớn phò trì của thánh sư vậy.

Kính cáo.

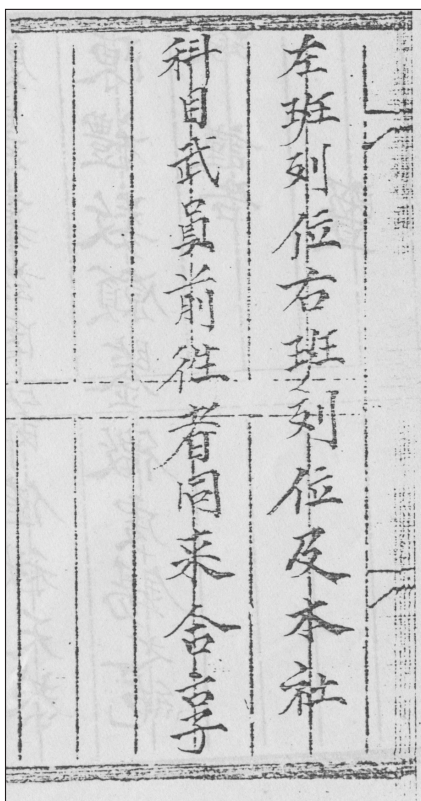
⁽¹⁾ Nhà Tần gây nên họa “phần thư khanh nho”, Tần Thủy Hoàng Đế sai tịch thu hết sách (ngoại trừ sách bói và sách thuốc) đốt hết, tìm bắt nhà nho chôn sống hơn bốn trăm người ở kinh đô Trường An. Về sau, Lưu Bang diệt Tần phá Sở, lập nên nhà Hán, lại trọng nhà nho, khôi phục Ngũ kinh Tứ thư, lấy tư tưởng nhà nho để tổ chức chính trị, tuyên bố Nho học là quốc học.

2. Tê Võ Thánh - Quan Thánh

VĂN TÊ VÕ THÁNH LÀNG DƯƠNG NỔ⁽¹⁾



Văn tê Võ Thánh làng Dương Nổ, trang 1-2, từ phải sang.



Văn tê Võ Thánh làng Dương Nổ, trang 3.

Phiên âm:

MẬU TÊ VĂN THỨC

[Lược phần mở đầu]

Cảm cáo vu:

Thượng phụ Khương Thái Công vị tiên.

Viết cung duy:

Tiên thánh danh thế giả hưng, bá vương chi phụ.

Vị Thủy kinh văn, Thương giao lương vũ.

Thao lược tinh vi, binh gia sở tổ.

Miễn tướng huy âm, di ân cảnh mộ.

Tư nhơn tiết trử Thu thiên, cung trần lễ số. Nguyên giám vi kiền, tích chi thuận hồ.

Cẩn cáo.

Kỵ:

Tả ban liệt vị, Hữu ban liệt vị.

Cập bốn xã khoa mục võ viên tiên vãng giả đồng lai hợp hưởng.

(1) Năm 1959. Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.

Dịch nghĩa:

[Lược phần mở đầu]

Kính cáo với:

Thượng phụ Khương Thái Công⁽¹⁾ vị tiên.

Kính nghĩ tiên thánh:

Tên tuổi, thân thể hưng vượng, là phụ bật của đế vương.

Kinh văn nơi Vị Thủy, võ bị chốn đất Thương.

Thao lược tinh vi, là thủy tổ của binh gia.

Xa tưởng đến danh hiệu, cảm mộ càng thêm.

Nay nhân tiết thuộc mùa thu, kính bày lễ mọn. Nguyên chứng lòng thành, ban cho tốt đẹp. Kính cáo.

Và (xin mời):

Tả ban liệt vị, Hữu ban liệt vị.

Cùng với các quan võ hay khoa mục quá cố của bản làng cùng đến hợp hưởng.

VĂN CÚNG KHÁNH ĐẢN QUAN THÁNH THÁNG NĂM LÀNG AN THÀNH⁽²⁾**Phiên âm:****NGŨ NGUYỆT KHÁNH ĐẢN VĂN**

[Cảm cáo vu]

Quan Thánh Đế Quân tôn thân.

Viết:

Viêm cơ phục chấn, Hỏa đĩnh trùng hanh.

Nhất tâm nghĩ khí vạn cổ trung trinh.

Đề thanh long nhi phạt Ngụy thôn Ngô, băng tuyết tiêu gian hùng chi phủ.

Trì xích thố nhi từ Tào quy Hán, nhật nguyệt huyền trung nghĩ chi danh.

Minh chúc đạt ư Đông Ngô, tại tại hàm xưng đại tiết.

Lệ thanh dương ư Bắc Ngụy, nhân nhân giai nhượng tuấn anh.

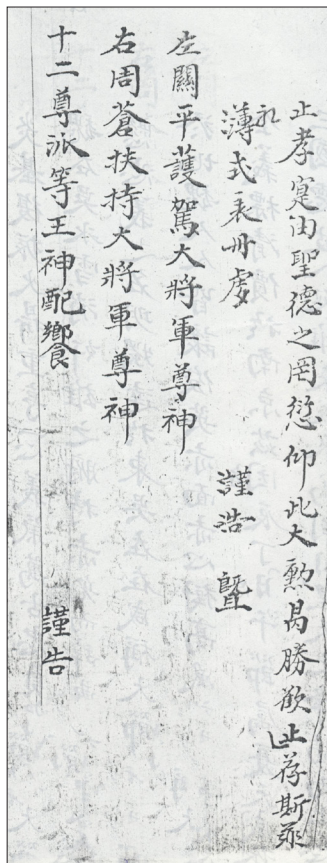
Xích diện, xích tâm thọ cao phong ư Tây Thục, toàn trung toàn nghĩ, tiêu thanh giá ư Nam Kinh.

Tư nhân thời Đinh nhật Ngộ, tiết thuộc hạ thiên, uy chấn tam quốc, đức bị bát diên, tuy lai thành lai vị, cố tự hoàng thiên chi giáng phúc.

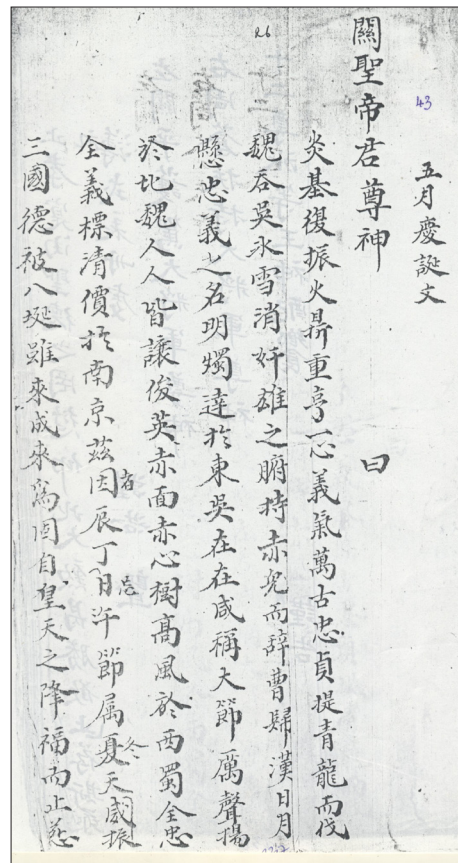
Nhi chỉ từ chỉ hiếu, thực do thánh đức chi vông khiên.

⁽¹⁾ Túc Khương Tử Nha, người có công đầu trong việc lập nên nhà Chu ở Trung Quốc.

⁽²⁾ Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.



Văn cúng khánh đàn Quan Thánh làng An Thành, trang 2.



Văn cúng khánh đàn Quan Thánh làng An Thành, trang 1.

Ngưỡng thờ đại huân, hạt trắng hoan chí.

Tiến tư phi bạc, thức biểu đàn tiền.

Ky:

Tả Quan Bình hộ giá đại tướng quân tôn thần.

Hữu Châu Thương phò trì đại tướng quân tôn thần.

Thập nhị tôn phái đẳng vương thần phối hưởng.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Kính cáo với]

Quan Thánh Đế Quân tôn thần.

Nền Viêm bang lại chấn động, đỉnh Hỏa lại sáng tươi.

Một lòng nghĩa khí, muôn thuở trung trinh.

Cầm thanh long mà đánh Ngụy dẹp Ngô, lòng băng tuyết làm tiêu tan mặt của kẻ gian hùng;

Cười xích thố mà rời Tào quay về Hán, treo cao danh tiếng trung nghĩa như mặt trời mặt trăng.

Đuốc sáng tỏa ở Đông Ngô, khắp nơi ngợi ca tiết lớn;

Gắng nêu tên ở Bắc Ngụy, người người đều nhường tuấn anh.

Mặt đỏ, lòng son, nêu tiết cao ở Tây Thục; toàn trung toàn nghĩa tỏ giá sạch ở Nam Kinh.

Nay nhân ngày Đinh tháng Ngọ, giữa tiết hè, oai chấn tam quốc, đức trùm tám cõi.

Tuy thành tựu cũng tự ơn trời giáng phúc, nhưng biết từ biết hiểu, thực do thánh đức chẳng sai.

Ngửa trông ơn lớn, khôn xiết hân hoan.

Kính dâng lễ mọn, tỏ rõ lòng thành.

Và xin mời:

Tả Quan Bình hộ giá đại tướng quân tôn thần.

Hữu Châu Thương phò trì đại tướng quân tôn thần.

Thập nhị tôn phái đẳng vương thần phối hưởng.

Kính cáo.

VĂN TẾ QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN LÀNG THỦ LỄ⁽¹⁾

敢告于

協天大帝漢室漢壽亭侯關聖帝君

恭奉陰官王天君太乙雷聲應化天尊

九天輔元關化靈應張仙大帝

七曲毓聖天尊

威顯武靈侯關聖太子

馬位前威勇周大將軍

青龍赤兔二將軍

曰

恭惟聖帝

一朝忠義

千古英靈

師中歲歲吉康全賴扶持之德

頭上人人頂戴敢忘報答之情

茲逢

六月中旬謹遵常禮恭進

一筵淡酌

願降微誠

伏願

神靈降鑒

保護今生

俾本揀等

國寵延長官陞而軍樂

天庥滋至名立而功成

仰賴神靈之嘉惠也

謹告

⁽¹⁾ Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

Phiên âm:

Cảm cáo vu:

Hiệp Thiên Đại Đế Hán Thất Hán Thọ Đình Hầu Quan Thánh Đế Quân.

Cung Phụng Âm Quan Vương Thiên Quân Thái Ất Lô Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn.

Cửu Thiên Phụ Nguyên Quan Hóa Linh Ứng Trương Tiên Đại Đế.

Thất Khúc Dục Thánh Thiên Tôn.

Uy Hiển Võ Linh hầu Quan Thánh thái tử.

Mã Vị Tiên Uy Dũng Chu đại tướng quân.

Thanh Long, Xích Thổ nhị tướng quân.

Viết:

Cung duy Thánh đế:

Nhất triều trung nghĩa;

Thiên cổ anh linh.

Sư trung tuế tuế cát khang, toàn lại phù trì chi đức;

Đầu thượng nhân nhân đỉnh đài, cảm vong báo đáp chi tình.

Tư phùng: Lục nguyệt trung tuần, cẩn tuân thường lễ, cung tiến:

Nhất diên đạm chước;

Nguyện giáng vi thành.

Phục nguyện:

Thần linh giáng giám;

Bảo hộ kim sinh.

Tỷ bản giản đấng:

Quốc sủng diên trường, quan thăng nhi quân lạc,

Thiên hựu tư chí, danh lập nhi công thành.

Ngưỡng lại thần linh chi gia huệ dã.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Xin cáo lên:

[Lược danh hiệu các thánh, xem phần phiên âm]

Kính nghĩ Thánh đế:

Một triều trung nghĩa;

Muôn thừa anh linh.

Quanh năm lính tráng an lành, thấy cậy phù trì tâm đức;

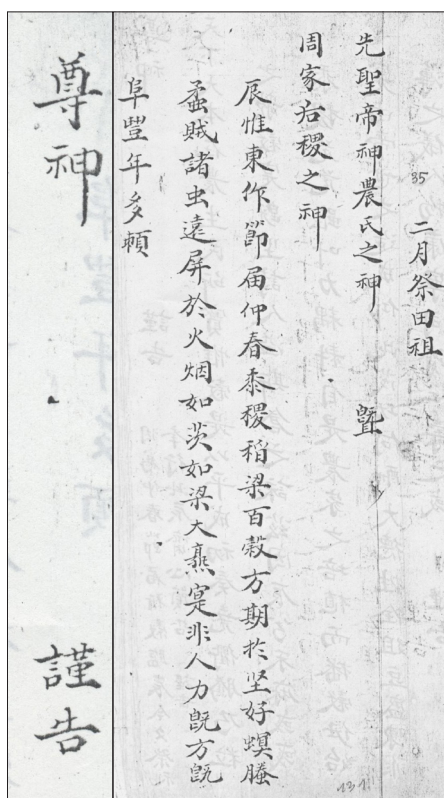
Cả nước mọi người tôn kính, dám quên báo đáp chút tình.

Nay gặp trung tuần tháng Sáu, tuân theo thường lệ, kính dâng:
 Một bàn cỗ mọn;
 Xin chứng lòng thành.
 Cúi xin:
 Thần thiêng xem xét;
 Bảo hộ sinh linh.
 Riêng cho chúng tôi:
 Ổn nước lâu dài, quan thẳng mà quân sừng;
 Nhờ trời che chở, danh nổi mà công thành.
 Kính nhờ thần thiêng ban thêm ơn vậy. Kính cáo.

III. VĂN TẾ THEO CÁC LỄ THỨC NGHỀ NGHIỆP

1. Văn tế trong các lễ thức nông nghiệp

VĂN TẾ TỔ NGHỀ NÔNG VÀO THÁNG HAI LÀNG AN THÀNH⁽¹⁾



Phiên âm:

NHỊ NGUYỆT TẾ ĐIỀN TỔ

[Cảm cáo vu]

Tiên thánh [Viêm] Đế, Thần Nông thị chi thần.

Kỵ:

Chu gia Hậu Tắc chi thần.

Thời duy đông tác, tiết giới trọng xuân. Thử tắc đạo lương, bách cốc phương kỳ ư kiên hảo.

Minh linh nhu tặc, chư trùng viễn kính ư hỏa yên.

Như thụ, như lương, đại thực thực phi nhân lực;

Ký phương ký phụ, phong niên đa lại tôn thần.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Kính cáo với]

Tiên thánh [Viêm] Đế Thần Nông tôn thần.

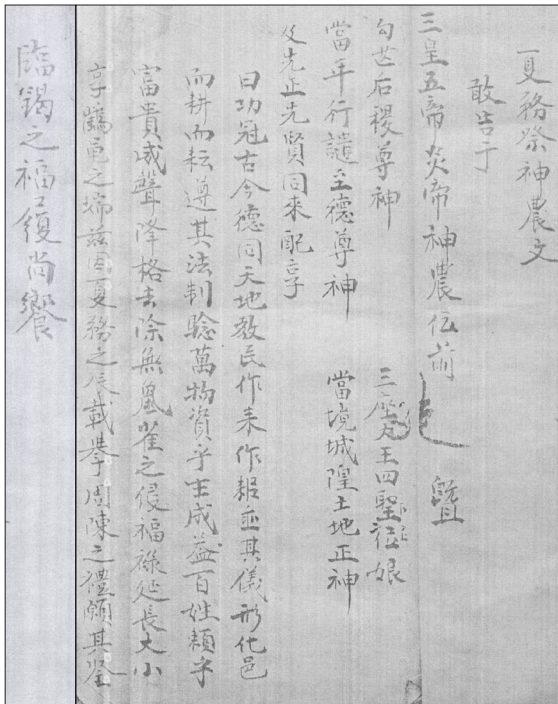
Và:

Chu gia Hậu Tắc tôn thần.

⁽¹⁾ Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.

Thời dấy ở phương Đông, tiết về trọng xuân.
 Nếp lúa gạo kê trăm loại mới vừa chắc hạt.
 Giặc châu sâu rầy hãy tránh xa trước lửa khói.
 Như khoai, như kê chín rộ chẳng do nhân lực.
 Đã vuông, đã lớn, được mùa do ở tôn thân.
 Kính cáo.

VĂN TẾ THẦN NÔNG VỤ HÈ LÀNG ĐỨC BƯU⁽¹⁾



Phiên âm:

Cảm cáo vu:

Tam Hoàng Ngũ Đế, Viêm Đế, Thần Nông vị tiên.

Kỵ:

Câu Mang Hậu Tắc tôn thần.

Tam tòa đại vương, Tứ vị thánh nương.

Đương niên Hành khiển Chí đức tôn thần.

Đương cảnh Thành Hoàng, Thổ Địa chính thần.

Cập: Tiên chính, Tiên hiền đồng lai phối hưởng.

Viết:

Công quán cổ kim, đức đồng thiên địa.

Giáo dân tác lỗi tác sù, thùy kỳ nghi hình.

Hóa áp nhi canh nhi vân, tuân kỳ pháp chế. Nghiệm vạn vật tư hồ sinh thành, cái bách tính lại hồ phú quý.

Uy thanh giáng cách, khứ trừ vô thử tước chi xâm;

Phúc lộc diên trường, đại tiểu hưởng quy linh chi thụ.

Tư nhơn hạ vụ chi thời, tái cử chu trần chi lễ. Nguyên kỳ giám lâm. Tích chi phước lý. Thượng hưởng.

Dịch nghĩa:

Xin cáo lên:

[Lược danh sách các thần, xem phần phiên âm]

⁽¹⁾ Võ Vinh Quang sưu tầm, Trần Đại Vinh dịch nghĩa.

Rằng:

Công vượt cỏ kim, đức ngang trời đất.

Dạy dân làm cày làm bừa, truyền lại điển hình.

Giúp làng biết cày biết bừa, noi theo quy cách.

Nguyện vạn vật nhờ đó sống được, cả trăm họ nhờ đó giàu sang.

Oai thiêng giáng cách, trừ tiệt chuột sẻ hại mùa.

Phúc lộc kéo dài, lớn nhỏ có điềm sống thọ.

Nay nhân vụ hè đã tới, xin thiết lễ mọn, mong được soi xét, ban cho phúc đức.

Xin hưởng.

VĂN TẾ XÃ THẦN LÀNG THỦ LỄ⁽¹⁾

(祭鄉社)二月戊日按載伊耆氏始蜡祭先嗇而配司嗇及田峻以下凡八神參之鄉社又有五土五穀之神又別祭城隍一位之神今宜參用之合為一祭以歸簡便與祭三員司鐘鼓各一員具有品服行禮唱二祝一引二斟酒二各具禮服排列用中四坐各差降一等最上一坐尊為嗇正坐第二坐為后稷勾龍城隍配第坐三坐為歷代田峻之坐最下一坐為郵表以下之坐又左右各設一坐與中第三坐平等左為五土神之坐右為五穀神之坐前總設一香案爐匣燈具足。

敢告于

初樹藝以教民

先聖帝神農氏之神

因阻饑而播穀

后稷氏之神

興農事于二儀開闢之後淳龐治播饗殮

勾龍氏之神

神相道于九年昏墊之餘早晚種分種稔

本土城隍之神

肆今

五土列位之神

服田力穡乃亦有秋

五穀列位之神

比櫛崇墉無有不足

歷代田峻之神

誠仰賴無窮之德也

曰

謹告

姜水靈鍾

暨

有郃秀毓

郵表⁽²⁾之神貓虎之神堤防之神水庸之神昆虫之神咸資附享

Phiên âm:

(Tế hương Xã) Nhị nguyệt Mậu nhật, án tái y Kỳ thị thủy trá; tế Tiên sắc nhi phối Tư sắc cập điển tuấn dĩ hạ phàm bát thần tham chi hương xã; hựu hữu Ngũ

⁽¹⁾ Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

⁽²⁾ Gồm chữ *điền* 田 bên trái và chữ *chuyết* 𦉑 bên phải.

Thổ, Ngũ Cốc chi thần. Hựu biệt tế Thành Hoàng nhất vị chi thần. Kim nghi tham dụng chi, hợp vi nhất tế dĩ quy giản tiện. Dĩ tế tam viên, tư chung cổ các nhất viên, cụ hữu phẩm phục hành lễ; xướng nhị, chúc nhất, dẫn nhị, châm tửu nhị, các cụ lễ phục. Bài liệt dụng trung tứ tọa các sai giảng nhất đẳng. Tối thượng nhất tọa tôn vi sắc chính tọa, đệ nhị tọa vi Hậu Tắc, Câu Long Thành Hoàng phối tọa, đệ tam tọa vi lịch đại Điền Tuấn chi tọa; tối hạ nhất tọa vi Bru Biểu dĩ hạ chi tọa. Hựu tả hữu các thiết nhất tọa, dĩ trung đệ tam tọa bình đẳng, tả vi Ngũ Thổ thần chi tọa, hữu vi Ngũ Cốc thần chi tọa. Tiền tổng thiết nhất hương án lư, hợp, đẳng cụ túc.

Cảm cáo vu:

Tiên thánh đế Thần Nông thị chi thần.

Hậu Tắc thị chi thần.

Câu Long thị chi thần.

Bổn Thổ Thành Hoàng chi thần.

Ngũ Thổ liệt vị chi thần.

Ngũ Cốc liệt vị chi thần.

Lịch đại Điền Tuấn chi thần.

Viết:

Khương thủy linh chung;

Hữu thai tú dục.

Sơ thụ nghệ dĩ giáo dân;

Nhân trở cơ nhi bá cốc.

Hưng nông sự vụ nhị nghi khai tịch chi hậu, thuận bàng trị bá ung xan,⁽¹⁾

Thần tướng đạo⁽²⁾ vu cứu niên hôn điểm chi dư, tảo văn chủng phân chủng lục.

Từ kim:

Phục điền lực sắc, nhưng diệc hữu thu.

Tỷ trát sùng dung, vô hữu bất túc.

Thành ngưỡng lại vô cùng chi đức dã.

Cẩn cáo.

Kỵ: Bru Biểu Chuyết chi thần, Miêu Hồ chi thần, Đê Phòng chi thần, Thủy Dung chi thần, Côn Trùng chi thần hàm tư phụng hưởng.

⁽¹⁾ Nguyên chú: 孟子許行為神農之說曰並耕而食饗殮而治 Mạnh Tử hứa hành vi Thần Nông chi thuyết, viết: Tịnh canh nhi thực, ung xan nhi tri. (Mạnh Tử truyền bá cái thuyết Thần Nông, nói rằng: Cùng cấy ruộng mà ăn, lấy bữa cơm mà trị).

⁽²⁾ Nguyên chú: 詩后稷之耆有相之道 Thi: Hậu Tắc chi sắc, hữu tương chi đạo (Kinh Thi: Ông Hậu Tắc cấy gặt, có thần giúp đỡ nhiều). Thi kinh, phần Đại nhã, thiên thứ 251: Sinh dân.

Dịch nghĩa:

[Nguyên chú:] (Tế thần Đất ở làng) Ngày Mậu tháng Hai. Trên án bày biện dựa theo lễ tế cuối năm thời nhà Chu của họ Kỳ, tế Tiên sắc phối hợp với Tư sắc cho đến Điền Tuấn trở xuống gồm tám vị thần dự vào xã làng, lại có thần Ngũ Thổ, Ngũ Cốc. Lại tế riêng một vị thần Thành Hoàng. Nay nên dùng cách hiệp tế quy về một lễ cho giản tiện. Ba viên cùng tế, động chuông đánh trống mỗi thứ một viên, có đủ phẩm phục làm lễ; hai viên xướng, một viên đọc chúc, hai viên dẫn lễ, hai viên rót rượu, có đủ trang phục. Sắp xếp thì dùng bốn tòa bên trong khác nhau. Trên hết một tòa tôn làm tòa Sắc chính; tòa thứ hai là Hậu Tắc, có phối thờ tòa Câu Long Thành Hoàng; tòa thứ ba là tòa Điền Tuấn các đời; tòa cuối cùng là tòa Bru Biều trở xuống. Lại hai bên trái phải bày mỗi bên một tòa, ngang hàng với các tòa ở giữa, bên trái là tòa thần Ngũ Thổ, bên phải là thờ thần Ngũ Cốc. Trước tất cả đặt một hương án có đủ lư, hộp, đèn.

Xin cáo lên:

[Lược danh sách các thần, xem phần phiên âm]

Rằng:

Khuong Thủy⁽¹⁾ đúc thiêng;

Hữu Thai⁽²⁾ nuôi tốt.

Nghè trồng trọt để dạy dân;

Bởi thiếu ăn nên gieo thóc.

Việc nông hưng ngay sau thửa hai nghi vừa mở, nhân dân cày ruộng cày đồng;

Đạo thần giúp trong suốt thời chín hạ nhọc nhằn, sớm tối trồng kê trồng lúa.

Đến nay:

Ngoài đồng găng cấy, gặt buổi mùa thu.

Trên luống cao thành, không gì chẳng đủ.

Thành thật ngựa nhờ đức lớn lao vô cùng vậy.

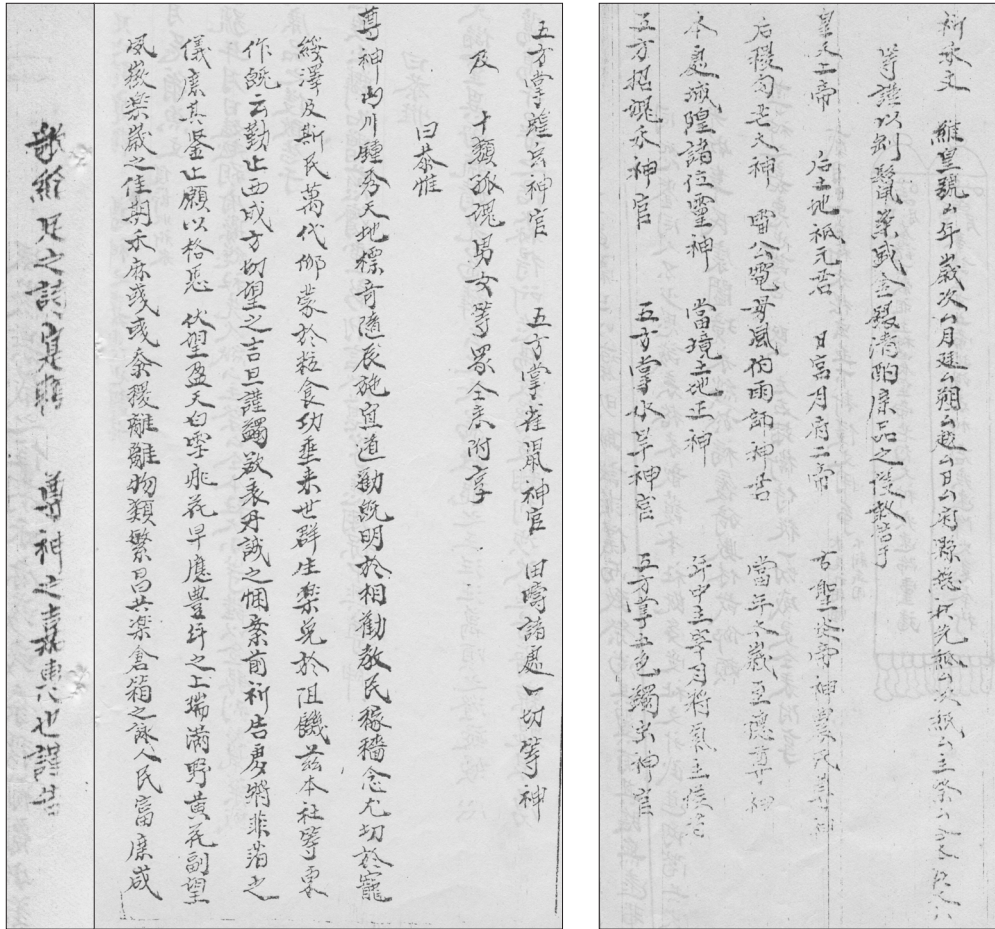
Kính cáo.

Rồi đến các thần: Bru Biều Chuyết, Miêu Hồ, Đê Phòng, Thủy Dung, Côn Trùng đều đến phụ hưởng.

⁽¹⁾ Khuong Thủy, tức Khuong Nguyên, mẹ của thần Hậu Tắc.

⁽²⁾ Hữu Thai: đất vua Nghiêu phong cho Hậu Tắc, cũng là quê mẹ của thần.

VĂN CẦU LÚA ĐƯỢC MÙA LÀNG THANH PHƯỚC⁽¹⁾



Cầu hòa văn làng Thanh Phước.

Phiên âm:

CẦU HÒA VĂN

Duy hoàng hiệu... niên, tuế thứ.....nguyệt, kiến... sóc việt... nhật.

Thờ Thiên phủ, Hương Trà huyện, Vĩnh Trị tổng, Thanh Phước xã, Tiên chỉ... Thứ chỉ... chủ tế... đồng bốn xã đại tiểu đẳng.

Cẩn dĩ:

Cang lạc, tư thịnh, kim ngân, thanh chức thứ phẩm chi nghi.

Cảm cáo vu:

Hoàng Thiên Thượng Đế.

Hậu Thổ Địa Kỳ nguyên quân.

Nhật cung Nguyệt phủ nhị đế.

(1) Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.

Cổ thánh Viêm Đế, Thần Nông thị tôn thân.
 Hậu Tắc, Câu Mang đại thân.
 Lôi Công, Điện Mẫu, Phong Bá, Vũ Sư thân quân.
 Dương niên Thái Tuế Chí Đức tôn thân.
 Bốn xứ Thành Hoàng chư vị tôn thân.
 Dương cảnh Thổ Địa chính thân.
 Niên trung chủ tế, Nguyệt tướng, Khí chủ, Hậu quân.
 Ngũ phương chiêu hồn hòa thân quan.
 Ngũ phương chuông thủy hạn thân quan.
 Ngũ phương chuông ngũ sắc quỳên trùng thân quan.
 Ngũ phương chuông hoàng trùng thân quan.
 Ngũ phương chuông tước thử thân quan.
 Điền trừ chư xứ nhất thiết tôn thân.
 Cập:
 Thập loại cô hồn nam nữ đẳng chúng đồng lai phụ hưởng.
 Viết cung duy:
 Tôn thân:
 Sơn xuyên chung tú, thiên địa tiêu kỳ.
 Tùy thời thi nghi đạo ký minh.
 Ư tương khuyến giáo dân giá sắc, niệm ưu thiết ư sủng tụy.
 Trạch cập tư dân, vạn đại ngưỡng mônng cư lập thực;
 Công thù lai thế, quần sinh lạc miễn ư trở cơ.
 Tư bốn xã đẳng đông tác ký vân cần chi, tây thành phương thiết vọng chi.
 Cát đán cần quỳên, dục biểu đan thành chi khỏn.
 Án tiền kỳ cáo, kiền tương phi bạc chi nghi.
 Thứ kỳ giám chỉ, nguyện dĩ cách tư.
 Phục vọng:
 Doanh thiên bạch tuyết phi hoa, táo ứng phong niên chi thượng thụy;
 Mãn dã hoàng hoa phó vọng, túc trưng lạc tuế chi giai kỳ.
 Hòa ma uất uất, thử tắc ly ly.
 Vật loại phồn xương, cộng lạc thương sương chi vịnh;
 Nhân dân phú thứ, hàm ca cấp túc chi thi.
 Thực lại tôn thân chi gia huệ dã.
 Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Lược phần mở đầu và danh sách các thần, xem phần phiên âm]

Kính nghĩ tôn thần:

Non sông gom đẹp, trời đất nêu kỳ.

Tùy thời thi thổ mà đạo sáng tỏ, cùng khuyên nhau dạy dân cày cấy, lòng càng thiết tha ban ơn sủng.

Ơn đức thấm đến nhân dân, muôn đời đều mong có gạo ăn.

Công truyền đến mai sau, nhân dân vui thoát khỏi đói nghèo.

Nay tất cả dân làng, cày cấy đã rất siêng năng, trông mong đến ngày thu hoạch.

Đã chọn sớm lành, biểu tỏ lòng thành chân thật.

Trước án khẩn cầu, dâng lên lễ mọn.

Mong cho soi xét, cảm thông.

Cúi xin:

Đầy trời tuyết trắng đơm hoa, sớm ứng điềm lành mùa trúng;

Khắp đồng hoa vàng thỏa ngắm, tỏ bày mùa tốt sắp về.

Lúa mè tươi tốt, thóc nếp rườm rà. Muôn vật sum sê, ca hát vui đầy kho lẫm.

Dân giàu đông đảo, ngâm thơ dùng đủ no nê.

Thật là nhờ tôn thần ban cho ơn huệ vậy.

Kính cáo.

2. Văn tế trong các lễ thức ngư nghiệp

VĂN CÚNG CÁ ÔNG, THÁNG NĂM LÀNG THANH PHƯỚC⁽¹⁾

Phiên âm:

NGŨ NGUYỆT KỶ ÔNG NGƯ VẤN

Duy hoàng hiệu... niên... nguyệt, kiến... sóc việt... nhật. Thừa Thiên phủ, ... huyện ...tổng ...xã, Tiên chỉ... Thứ chỉ... chủ tế... đồng bốn xã đại tiểu đẳng.

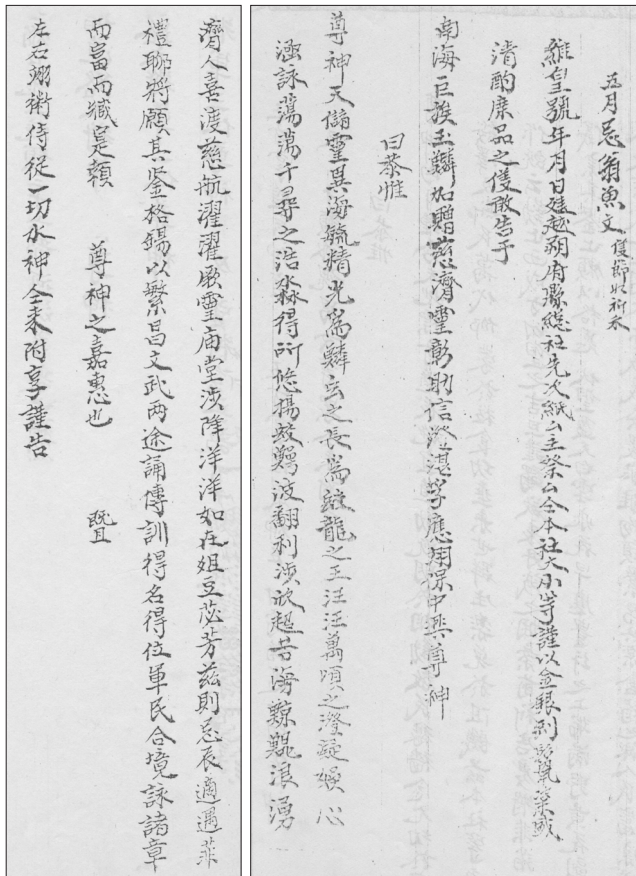
Cẩn dĩ:

Kim ngân, cang lạp, tư thịnh, thanh chương thứ phẩm chi nghi

Cảm cáo vu:

Nam Hải Cự Tộc Ngọc Lân, gia tặng Từ tế Linh chương Trợ tín Trùng trạm Phu ứng Dục bảo Trung hưng tôn thần.

⁽¹⁾ Năm 1913. Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.



Viết cung duy:

Tôn thần:

Thiên trù linh dị, hải dục tinh quan.

Vì lân trùng chi trưởng, vì giao long chi vương.

Uông uông vạn khoảnh chi trùng ngưng, ngư tâm hàm vịnh;

Đãng đãng thiên tâm chi hào miểu, đắc sở du dương.

Giao ngạc ba phiên lợi thiệp, hân siêu khổ hải;

Kình côn lãng dũng tế nhân, hỷ độ từ hàng.

Trạc trạc quyết linh, miếu đường thiệp giáng;

Dương dương như tại, trở đậu bật phương.

Tư tác kỳ thời thích ngộ phi lễ liêu trương, nguyện kỳ giám cách, tích dĩ phồn xương.

Văn cúng Cá Ông làng Thanh Phước.

Văn võ lưỡng đồ tụng truyền huân đắc danh đắc vị, quân dân hạp cảnh vịnh chư chương nhi phú nhi tàng.

Thực lại tôn thần chi gia huệ dã.

Kỵ:

Tả hữu dục vệ thị tòng nhất thiết thủy thần đồng lai phụ hưởng.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Lược phần mở đầu, xem phiên âm]

Kính nghĩ tôn thần:

Trời lành linh dị, biển dưỡng tinh anh.

Đứng đầu loài có vảy, là vua của giao long.

Mênh mông muôn khoảnh trong veo, lòng vui ca vịnh;

Bao la ngàn tâm mờ mịt, được chỗ du dương.

Sóng cá sáu thường luồng lợi cho vượt biển, vui qua biển khô;

Sóng cá côn, cá voi giúp người, mừng đến thuyền từ.

Rờ rờ linh thiêng, miêu đường thẳng giáng;

Mênh mông như tại, cổ cúng thơm tho.

Nay thì ngày kỵ đã tới, lễ mọn dâng bày.

Nguyện cầu soi xét, ban cho tốt đẹp.

Văn võ hai đảng đọc lời dạy được danh được vị; quân dân khắp cõi ca lời thơ được giàu có được cất dành.

Thực là nhờ tôn thần ban cho ơn huệ vậy.

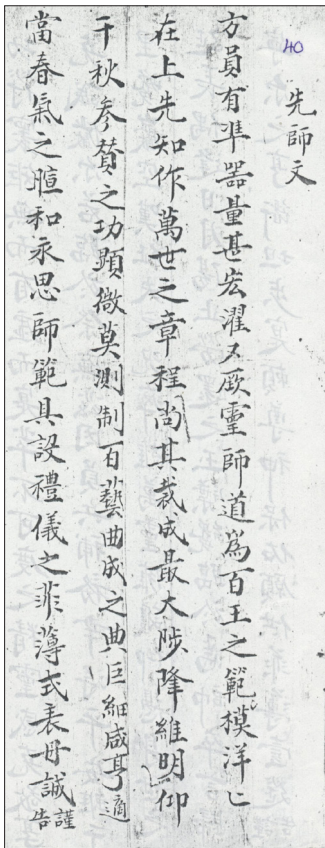
Và xin mời:

Tả hữu dục vệ tất cả thủy thần theo hầu cùng đến phối hưởng.

Kính cáo.

3. Văn tế trong các lễ thức thủ công nghiệp - thương nghiệp

VĂN CÚNG TIÊN SƯ THÁNG HAI LÀNG AN THÀNH⁽¹⁾



Tiên sư văn làng Thanh Phước.

Phiên âm:

TIÊN SƯ VĂN

[Viết cung duy]:

Phương viên hữu chuẩn, khí lượng thậm hoàng.

Trạc trạc quyết linh, sư đạo vi bách vương chi mô phạm.

Dương dương tại thượng, tiên tri tác vạn thế chi chương trình.

Thượng kỳ: Tài thành tối đại, trác giáng duy minh.

Ngưỡng thiên thu tham tán chi công, hiển vi mạc trác.

Chế bách nghệ khúc thành chi điển, cụ tế hàm hanh.

Thích đương xuân khí chi huyền hòa, vĩnh tư sư phạm.

Cụ thiết lễ nghi chi phỉ bạc, thức biểu đan thành.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Kính nghĩ rằng]:

Vuông tròn có chuẩn, khí lượng rộng thay.

Rờ rờ thiêng liêng, đạo của thầy là khuôn mẫu cách bách vương.

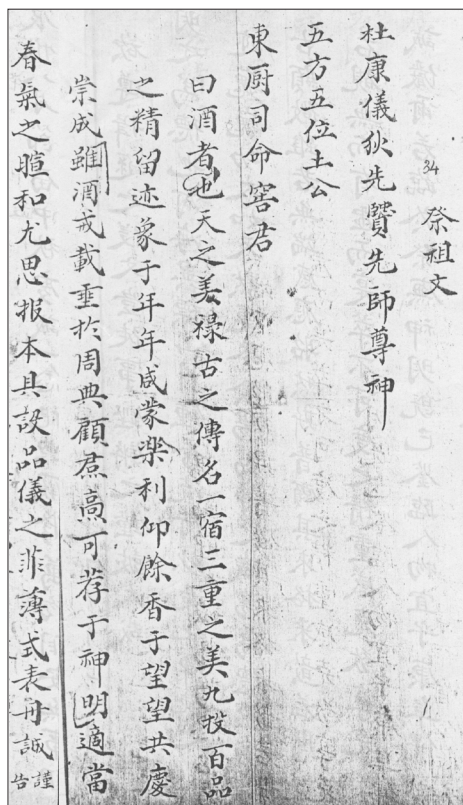
Mênh mông bên trên, bậc tiên tri là quy trình của vạn thế.

Kính mong: tác thành rất lớn, thẳng giáng rõ ràng.

⁽¹⁾ Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.

Ngửa trông công ơn giúp đỡ ngàn năm, hiển lộ hay vi tế chẳng lường được.
 Chế ra khuôn thước cụ thể của trăm nghề, lớn nhỏ đều thông suốt.
 Gặp đang lúc tiết xuân ôn hòa, nhớ mãi khuôn mẫu của thầy.
 Kính bày lễ mọn, tỏ rõ lòng thành.
 Kính cáo.

VĂN TẾ TỔ NGHỀ RƯỢU LÀNG AN THÀNH⁽¹⁾



Phiên âm:

TẾ TỔ VĂN

[Cảm cáo vu]:

Đỗ Khang, Nghi Địch tiên hiền tiên sư tôn thần.

Ngũ phương ngũ vị Thổ Công.

Đông Trù Tư Mệnh Táo Quân.

Viết:

Tửu giả dã, thiên chi mỹ lộc, cổ chi truyền danh.

Nhất túc tam trùng chi mỹ, cửu đầu bách phẩm chi tinh.

Lưu tích tượng vu niên niên, hàm mông lạc lợi.

Ngưỡng dư hương vu vọng vọng, cộng khánh sùng thành.

Tuy tửu giới tải thù ư Chu điển, cố huân cao khả tiến ư thân minh.

Thích đương xuân khí chi huyên hòa, vu tư báo bốn.

Tế tổ văn làng An Thành.

Cụ thiết phẩm nghi chi phí bạc, thức biểu đan thành.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Kính cáo với]:

Đỗ Khang, Nghi Địch⁽²⁾ tiên hiền tiên sư tôn thần.

Ngũ phương ngũ vị Thổ Công.

(1) Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.

(2) Tương truyền là hai vị tổ nghề rượu của Trung Quốc.

Đông Trù Tư Mệnh Táo Quân.

Rằng:

Rượu là lộc quý của trời, từ xưa đã từng vang tiếng.

Một hạt thóc có vẻ đẹp ba lần, là tinh túy của trăm sản phẩm.

Lưu dấu cả hàng năm, đều nhờ lợi lạc.

Chiêm ngưỡng hương thừa trông ngóng, cùng mừng thành tựu lớn lao.

Tuy lời răn về rượu đã truyền lại từ điển lễ nhà Chu, mà hương thơm vẫn được dâng lên thân mình.

Gặp lúc khí xuân ôn hòa, gọi niềm báo bôn.

Kính bày phẩm vật đơn sơ, tỏ lòng son sắt.

Kính cáo.

VĂN TẾ TỔ NGHỀ RÈN LÀNG HIỀN LƯƠNG⁽¹⁾

敢昭告于

三教道師聖顯先師

歷大冶藝祖師

歷大尊師

暨

西嶽金天順帝加封太利之神

主鍊鍊鑪之神

東廚司命灶府神君

五方土公尊神

本社前官前職仝來合享

曰

祭必有告禮也

茲因

翌日春祭適臨

恭陳菲禮

願鑒丹忱

仰賴尊神之嘉惠也

謹告

Cảm chiêu cáo vu:

Tam giáo Đạo sư Thánh hiền Tiên sư.

Lịch đại dã nghệ tổ sư.

Lịch đại tôn sư.

Kỵ:

Tây Nhạc Kim Thiên Thuận Đế, gia phong Thái lợi chi thần.

Chủ thiết luyện lư chi thần.

Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân.

Ngũ phương Thổ Công tôn thần.

Bổn xã tiền quan tiền chức đồng lai hợp hưởng.

Viết:

Tế tất hữu cáo lễ dã.

Tư nhân dực nhật;

Xuân tế thích lâm.

Cung trần phi lễ;

Nguyên giám đan thâm.

Ngưỡng lại tôn thần chi gia huệ dã.

Cẩn cáo.

⁽¹⁾ Lê Nguyễn Lưu – Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

Dịch nghĩa:

Xin cáo rõ lên:

Tam giáo Đạo sư Thánh hiền Tiên sư.

Lịch đại dã nghệ tổ sư.

Lịch đại tôn sư.

Cùng:

Tây Nhạc Kim Thiên Thuận Đế, gia phong Thái lợi chi thần.

Chủ thiết luyện lư chi thần.

Đông Trù Tư Mệnh Táo Phủ Thần Quân.

Ngũ phương Thổ Công tôn thần.

Các vị quan chức trước đây của bản xã cùng hợp hưởng.

Rằng:

Tế thì có cáo, đó là lẽ vậy.

Nay nhân xuân tế;

Gặp được ngày lành.

Kính bày lễ lớn;

Xin chứng lòng thành.

Ngừa nhờ ơn tốt của thần vậy.

Kính cáo.

VĂN TẾ CHỢ LÀNG AN THÀNH⁽¹⁾**Phiên âm:****BỔN THỊ VĂN**

Thời duy chính nguyệt, tiết thuộc sơ xuân.

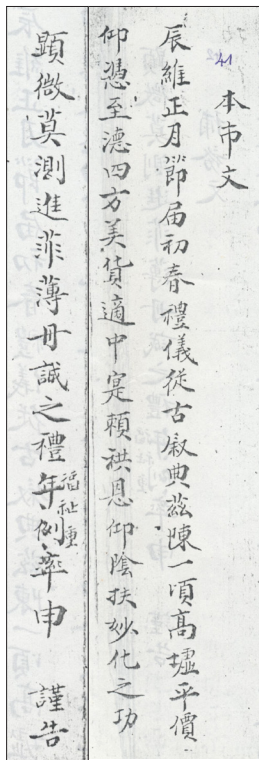
Lễ nghi tòng cổ, tự điển tư trần.

Nhất khoảnh cao khư bình giá, ngưỡng bằng chí đức, tứ phương mỹ hóa thích trung.

Thực lại hồng ân, ngưỡng âm phò diệu hóa chi công; hiển vi mạc trắc, tiến phỉ bạc đan thành chi lễ, phúc chỉ trùng thân.

Cẩn cáo.

⁽¹⁾ Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.



Bản thị văn làng An Thành.

Dịch nghĩa:

[Kính nghĩ rằng]

Đúng lúc tháng Giêng, vào tiết sơ xuân.

Theo lễ từ xưa, kính bày tế lễ.

Một khoảnh đất cao trên gò hoang bằng giá, ngựa nhờ chí đức, bốn phương hàng hóa đẹp vừa hợp.

Thực là nhờ ơn lớn, ngựa trông công ơn sâu phò tốt đẹp, hiển lộ hay vi tế chẳng lường.

Dâng lễ mọn chân thành, mong nên phúc duỗi ra.

Kính cáo.

IV. VĂN TẾ TRONG LỄ CÚNG ÂM LINH - CÔ HỒN

Lễ tế âm hồn (hay âm linh) nói chung đã tồn tại lâu dài và được các chính quyền phong kiến đưa vào “tự điển” (lễ thờ cúng) của nhà nước. Phan Huy Chú cho biết “*lễ này có tự đầu nhà Lê, về sau vẫn làm theo không đổi*”,⁽¹⁾ do sắc chỉ năm

Thái Hòa 7 (1449), đến năm Quang Thuận 5 (1464), vua Lê Thánh Tông quy định lễ vật rượu thịt, hàng năm sai quan phủ

đặt lễ tế ba mùa xuân, hè, thu. Đối tượng được cúng tế chủ yếu là cô hồn, nhưng cũng bao gồm cả mọi người chết ngoài chỗ cư trú, mặc dù đã có gia đình bản quán rõ ràng. Đó là một cuộc tế lễ mang tinh thần nhân đạo. Ở vùng Huế xưa, lễ cúng cô hồn đã tồn tại từ rất lâu đời, nhưng không thường xuyên, không phổ biến, không có định lệ. Khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII, xứ Đàng Trong loạn lạc, phía nam Tây Sơn khởi nghĩa, phía bắc quân Trịnh xâm chiếm, khói lửa liên miên, người chết vì binh đao, lại chết vì đói rét, rải rác khắp nơi. Nhà nho Hoàng Quang⁽²⁾ đau lòng xót dạ, cùng dân làng Thai Dương tổ chức một lễ tế cô hồn, làm bài văn ghi vào tác phẩm *Hoài nam ca khúc* với lời lẽ thống thiết (trích):

Hỡi ôi!

Sống thác đã hay rằng phận, ung thà ung cho hết thừa nhân tình;

(1) Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí, Lễ nghi chí*, bản dịch: Viện Sử học, tập II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 143.

(2) Người làng Thai Dương, nay thuộc xã Hải Dương, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông giỏi văn chương, sỏ trường quốc âm, được vua Quang Trung biết tiếng, mời ra trao chức nhưng ông từ chối. Sau khi vua Quang Trung mất, tình hình ở Thuận Hóa loạn lạc, đói kém, lại nghe tin Nguyễn Ánh khởi binh ở Gia Định, ông bèn viết bài “Hoài Nam khúc”, lời lẽ bi tráng, ngụ ý mong chờ “chúa cũ” trở về. Khi Nguyễn vương khôi phục được Phú Xuân thì ông đã mất, nên truy tặng danh hiệu Thai Dương xử sĩ và lục dụng con ông là Hoàng Kim Hoán.

Cơ hàn cực nỗi thiết tha, trách bầy tách làm khi loạn lạc.
 Nhớ chúng cô hồn xưa:
 Trăm thợ trở tràng;
 Nghìn năm xây tạc.
 Quảng Nam trời đất rộng, dễ ai đành phong nguyệt sinh nhai;
 Thuận Hóa nước non thanh, mặc vui thú giang sơn đồ mạt.
 Trời xuân đã thấu lên đài;
 Cõi thọ đều mừng đến vực.
 Những tưởng nghèo cho yên phận nghèo, khó cho yên phận khó, ngộ nhờ bốn
 thú làm ăn;
 Chẳng hay vận khéo xui rồi vận, thời khéo xui rồi thời, đoái thấy bốn bề nổi giặc.
 Cảm thương khôn xiết nỗi thương;
 Đều thác chẳng yên phận thác.
 Hoặc ở chiến trường mà nhằm trong kiếp lược, thảm chưa làn ngọn lửa Tây Sơn;
 Hoặc sa trận thế mà lụy phải tội tàn, sầu còn dọi lưỡi gươm Bắc tặc.
 Hoặc chịu cơ hàn mà cả trách trời xanh;
 Hoặc đã muối dưa mà chẳng qua ngày bạc.
 Trôi gành lấp bãi, thây oan khắp bến lênh đênh;
 Bỏ quán nằm cầu, xương trắng đầy đường ngan ngát.
 Hồn còn chôn bụng cá, lòng sông;
 Phách hãy dọi chân diều, mỏ ác.
 Cốt hài rơi hãy đó, luống đeo sầu ngọn cỏ hạt sương;
 Thân thích đoái còn ai, hầu phiặng vừa hương bát nước.
 Phải ta đặng cầm cờ Cáp Âm,⁽¹⁾ thà chịu tội kiêu chiểu mà phát kho;
 Phải ta đặng phò giá Võ Vương, cũng tán của Lộc Đài⁽²⁾ mà làm phước.
 Kéo chịu gió tối phát phơ;
 Kéo chịu mưa mai lác đác.
 Ôi!
 Một thừa đổi đời;
 Nghìn năm chéch mác.

(1) Cáp Âm: tên người, làm quan thời Hán Vũ Đế, vâng mệnh đi sứ, thấy dân bị nạn đói, không kịp tâu xin dọ vua ban chiếu, sai địa phương phát thóc kho cấp cứu.

(2) Lộc Đài: vua Trụ nhà Ân (Thương) hoang dâm vô đạo, sai xây dựng Lộc Đài, tập trung chứa của cải để ăn chơi sa đọa. Tây Bá Phát (tức Võ Vương nhà Chu) sau khi đánh diệt vua Trụ, chiếm Lộc Đài, lấy của cải phát cho dân.

*Thang bát loạn kham trách họ Trương;⁽¹⁾
 Cờ xướng nghĩa ngậm hồn thẳng Nhạc.⁽²⁾
 Đau lòng không ráo mắt, thấy xương da bỏ chôn rạch ngòi;
 Ngưng trán đổ mồ hôi, không quan quách phải dùng bó vác.
 Đất một thổi đem vẩy phong táng, lỏa lò kia kéo thấy chẳng đành;
 Rượu ba tuần rây tạm tế nghi, anh linh nữa xin nguyên thỏa chúc.
 Nay cáo.*

Đến thế kỷ XIX, nhà Nguyễn kế thừa điển lệ cũ, năm Gia Long 2 (1803), triều đình chuẩn định ở kinh sư và các địa phương làm đàn ở phía bắc ngoài kinh thành, hàng năm cứ vào ngày mùng 3 tháng Ba (quý xuân) và tháng Chạp (quý đông) sai quan đến tế những âm hồn không nơi nương tựa, tức những người “bất đắc kỳ tử” nơi bên ngoài nhà cửa, quê hương, gọi là “đàn ân tự”.⁽³⁾ Như vậy, tế cô hồn là lễ cúng đối với “thế giới bên kia”, không phân biệt người chết do nguyên nhân nào, không rõ gốc tích, không có thân nhân, do chính quyền địa phương trực tiếp làm trên địa bàn cả nước. Tục cúng cô hồn ở xứ Huế bắt đầu từ “đàn ân tự” này năm 1835, nhưng chỉ mới ở kinh thành, còn phổ biến rộng khắp thì có lẽ tế nghĩa trùng bắt đầu từ thời Tự Đức do sáng kiến của Đặng Huy Trứ (1825-1874), người xã Bác Vọng, huyện Quảng Điền. Nguyên từ thời trẻ, ông đã giàu lòng nhân đạo, nhất là đối với người lao động vất vả và nghèo khó, thông cảm với kẻ sống, ông càng xót thương kẻ chết, đặc biệt chết lạc loài, mồ mả không hương khói. Có đạo ở quê, ông chú ý chăm sóc các mồ hoang và kể lại cảm xúc của mình trong bài thơ *Tế tảo hoang phần* năm 1843. Đến năm 1857, Đặng Huy Trứ đổi ra làm Thông phán Ty Bố chính sứ tỉnh Thanh Hóa. Ông đã lập một “Nghĩa trùng” ở huyện Quảng Xương để chôn cất những người chết đường, chết chợ không thân nhân và ghi lại sự kiện ấy trong bài thơ *Nghĩa trùng* năm 1860. Về sau, đổi vào làm Bố chính sứ tỉnh Quảng Nam, ông cũng lập một Nghĩa trùng phía đông ngoài thành thuộc địa phận xã La Qua, quy mô rộng rãi đến chừng năm, sáu mẫu, thu nhật hài cốt người chết vô thừa nhận, những người qua đường nghèo khổ, người bị đi đày, tù tội... Khu trung tâm xây miếu cúng bái, hai bên trồng hoa, phía nam đào hồ để nước chảy xuống với ý nghĩa “thủy lưu hoa tạ” (người chết như hoa rụng nước cuốn trôi đi).

Nhưng Đặng Huy Trứ nghĩ làm như vậy chẳng qua là tự phát và bó hẹp trong một hai huyện, còn các nơi khác thì sao? Chi bằng biến thành “quốc sách” để phát huy ra cả nước cũng là điều hay, vừa hợp với lòng nhân đạo, cru mang những cô hồn không chôn nương thân, vừa làm quang sạch môi trường, ngăn ngừa dịch

⁽¹⁾ Túc Trương Phúc Loan (?-1776), quyền thần nổi tiếng tham tàn cuối thời chúa Nguyễn.

⁽²⁾ Túc Nguyễn Nhạc, thủ lĩnh phong trào Tây Sơn.

⁽³⁾ Nội Các triều Nguyễn, *Đại Nam hội điển sự lệ*, tập 6, Sđd, tr. 470.

bệnh. Ông bèn dâng lên vua tờ sớ đề ngày mùng 1 tháng Tám năm Tự Đức 17 (1/9/1864) và được đáp ứng ngay. Vua Tự Đức chuẩn cho “trong kinh, ngoài các tỉnh cùng xã dân xây dựng nghĩa địa mồ mả. Ở kinh thời những nơi An Vân, Đốc Sơ, bên cạnh đường thiên lý, ở ngoài các tỉnh thời các nơi quanh tỉnh, đều do các thương ty thông sức cho trong hạt: từ trước tới nay (từ nay trở về sau cũng thế) nếu có người chết đường mà chôn ở bên cạnh đường xác thực không có người đến nhận đều do thương ty chi của và khuyến miễn các người có lòng từ thiện, gom góp mà làm; mỗi mộ tiền 1 quan 5 tiền, vải trắng 15 thước, sức cho thuộc hạ đưa đến chỗ mộ, bảo dân bốc lấy hài cốt lên, ở kinh thì đưa đến ba nơi di táng phần mộ trước (khoảng năm Minh Mạng cho di táng) để hợp táng tất cả, hằng năm cùng với ba sở cùng phần mộ bỏ hoang nhiều hay ít, liệu chọn một khu đất hoang cao ráo, xung quanh bồi đắp lũy đất, dựng bia khắc ba chữ “Nghĩa trung xứ” (nghĩa địa để mả), đều sức cho có ai chết đường đem đến đây mà chôn. Hằng năm sắm đủ lợn, xôi, rượu, quả, cơm, cháo, áo, mũ, tiền giấy, phái nhân viên đến tế một lần. Đến như các xã thôn, phường, ấp, giáp hoặc có ngôi mộ nào không ai đến cúng lễ dấy cỏ, cho các xã dân ấy chọn một nơi quang đãng làm nghĩa địa, hằng năm cứ đến tháng Chạp, đều đem dân làng ấy đến nghĩa địa làm lễ táng mộ. Đó cũng là theo lời xin của Bộ chánh Quảng Nam là Đặng Huy Trứ”.⁽¹⁾

Như vậy, tục chạp mả làng và cúng cô hồn của dân gian khác với lễ tế âm linh do triều đình và chính quyền phong kiến đảm nhiệm. Lễ tế âm linh sử dụng bài văn chữ Hán theo lối Đường phú, còn lễ cúng cô hồn thì dùng văn Nôm cổ thể cách khác nhau tùy nơi, hoặc loại biên ngẫu (thể tứ lục), hoặc loại thơ dân tộc, đôi khi mang một giá trị văn học nhất định bởi vì làng nào cũng có tầng lớp trí thức nho học, không thầy đồ thì ông tú, ông cử, và suốt triều Nguyễn, xứ Huế cũng đóng góp 26 vị tiến sĩ. Nhiều nơi, lễ chạp mả làng cũng có phần đọc văn tế, hầu hết đều bằng chữ Nôm do một nhà nho nào đó sáng tác. Sau đây xin giới thiệu một số bài văn tế tiêu biểu.

VĂN TẾ NGHĨA TRUNG LÀNG MỸ LỢI⁽²⁾

義塚文

義塚文	或祖尊而世系難明
敢告于	或困厄顛連而離魂無定
上等義塚列位之神	或鰥寡孤獨而夜哭不平
中等義塚列位之神	顧瞻舊塚累累問是誰家之子
下等義塚列位之神	遙望孤墳裊裊堪憐無主之靈

⁽¹⁾ Quốc Sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, sđd, tập bảy, tr.882-883.

⁽²⁾ Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

暨一切十類男女孤魂全來附享	追思往事
曰	更不勝情
恭惟列位尊靈	協本邑之同人既完掃芟
幽幽默默	用菲儀而鼎祭祈答幽冥
化化生生	雖尊卑之序未分無窮罪悔
戲	而祀享之誠可格錫以康寧
魂歸碧樹雲天青山帶恨	仰賴孤魂之嘉惠也
迹托松郊野草白骨含精	謹告
或官爵而姓名不記	

Phiên âm:

NGHĨA TRÚNG VẤN

Cảm cáo vu:

Thượng đẳng Nghĩa trung liệt vị chi thân.

Trung đẳng Nghĩa trung liệt vị chi thân.

Hạ đẳng Nghĩa trung liệt vị chi thân.

Kỵ: Nhất thiết thập loại nam nữ cô hồn đồng lai phụ hưởng.

Viết:

Cung duy liệt vị tôn linh:

U u mặc mặc;

Hóa hóa sinh sinh.

Hồn quy bích thụ vân thiên, thanh sơn đái hận;

Tích thác tùng giao dã thảo, bạch cốt hàm tinh.

Hoặc quan tước nhi tính danh bất ký;

Hoặc tổ tôn nhi thế hệ nan minh.

Hoặc khốn ách diên liên nhi ly hồn vô định;

Hoặc quan quả cô độc nhi dạ khóc bất bình.

Cố chiêm cữu trung luy luy, vấn thị thù gia chi tử;

Dao vọng cô phần niểu niểu, kham liên vô chủ chi linh.

Truy tư vãng sự;

Cánh bất thăng tình.

Hiệp bản áp chi đồng nhân, ký hoàn tảo cập;

Dụng phi nghi nhi đỉnh tế, kỳ đáp u minh.

Tuy tôn ty chi tự vị phân; vô cùng tội hối;

Nhi tự hưởng chi thành khả cách, tích dĩ khang ninh.

Ngưỡng lại cô hồn chi gia huệ dã.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

Kính cáo với:

Chư vị thần Nghĩa trung bậc trên.

Chư vị thần Nghĩa trung bậc giữa.

Chư vị thần Nghĩa trung bậc dưới.

Cho đến:

Mười loại cô hồn nam nữ cùng về hưởng theo.

Kính nghĩ các tôn linh:

Mờ mờ mịt mịt;

Hóa hóa sinh sinh.

Hồn về cây biếc trời mây, non xanh để hận;

Dấu gởi thông rừng cỏ nội, xương trắng ngậm tình.

Hoặc quan tước mà họ tên không rõ;

Hoặc tổ tôn mà vai vế chẳng rành.

Hoặc khốn quẫn lao đao mà hồn lia vô định;

Hoặc cô đơn cô cút mà đêm khóc bất bình.

Ngoái trông mô cũ bồi bồi, xin hỏi ấy con nhà đâu đó;

Xa góc mả đơn hiu hắt, luống thương thay hồn phách lênh đênh.

Nghĩ suy chuyện cũ;

Khôn xiết thương tình.

Hiệp dân ấp để sửa sang, đã xong tảo chạp;

Bày cỗ bàn mà tế lễ, kính đáp u minh.

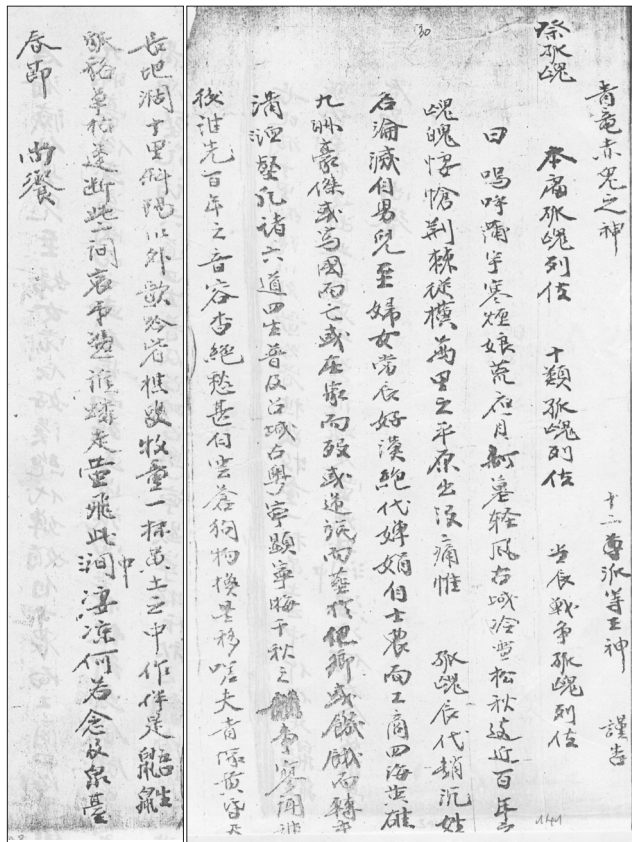
Dù dưới trên trật tự chưa phân; không cùng tội hối;

Mà cúng quảy thành tâm xin thấu, cho được khang ninh.

Ngừa nhờ ơn tốt đẹp của cô hồn vậy.

Kính cáo.

VĂN TẾ CÔ HỒN LÀNG AN THÀNH⁽¹⁾



Văn tế cô hồn làng An Thành.

Phiên âm:

TẾ CÔ HỒN

Bổn xư cô hồn liệt vị.
 Thập loại cô hồn liệt vị.
 Đương thời chiến tranh cô hồn liệt vị.
 Viết ô hô!
 Mãn vũ hàn yên, nương hoang⁽²⁾ dạ nguyệt;
 Cô mộ khinh phong, cổ thành lãnh tuyết.
 Tùng thu viễn cận, bách niên chi hồn phách thể thương;
 Kinh cúc tung hoành, vạn lý chi bình nguyên xuất một.
 Thống duy:
 Cô hồn thời đại tiêu trầm, tính danh luân diệt.
 Tự nam nhi chí phụ nữ, đương thời hảo hán, tuyết đại thuyền quỳên.

Tự sĩ nông nhi công thương, tứ hải anh hùng, cửu châu hào kiệt.
 Hoặc vị quốc nhi vong, hoặc tại gia nhi tử.
 Hoặc nghịch lữ nhi mộ ư tha hương; hoặc cơ ngã nhi chuyển thân mãn hác.
 Phàm chư lục đạo tứ sinh, phổ cập Chiêm Thành, cổ Việt ninh hiển ninh hối.
 Thiên thu chi cơ sự, liêu văn thù hậu thù tiên.
 Bách niên chi âm dung, hạnh tuyết sâu kham.
 Bạch vân thương cầu, vật hoán tinh di.
 Ta phù thanh trùng hoàng hôn, thiên trường địa khoáng.
 Thập lý tà dương dĩ ngoại, ca ngâm giai tiêu tẩu mục đồng.
 Nhất bôi hoàng thổ chi trung, tác bạn thị ngô sinh hồ lạc.
 Thảo khô bông đoạn, thử nhị gian ai điều bằng thùng.
 Lân tẩu uynh phi, thử trung thể lương hà nhược.

(1) Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.
 (2) Chữ Nôm trong văn bản.

Niệm cập tuyên đài xuân tiết.

Thượng hưởng.

Dịch nghĩa:

[Xin cáo với:]

Liệt vị cô hồn bốn xứ.

Liệt vị cô hồn mười loại.

Liệt vị cô hồn chiến tranh đương thời.

Hỡi ôi!

Đầy trời khói lạnh, trăng dọi vườn hoang;

Mộ cô hồn thoáng gió, chốn thành xưa tuyết lạnh.

Cây cao gàn xa, trăm năm hồn vía thê lương;

Gai bụi dọc ngang, trăm dặm đồng bằng ảm hiện.

Xót nghĩ:

Cô hồn, thời thế tiêu trầm, họ tên mai một.

Từ nam nhi đến phụ nữ, là hảo hán đương thời, hay thuyền quyên tuyệt thế.

Từ sĩ nông đến công cổ, là bốn bề anh hùng hoặc chính nhân hào kiệt.

Hoặc vì nước bỏ mình, hoặc ở nhà mà chết.

Hoặc lữ khách mồ lấp tha hương.

Hoặc đói khát, thân phơi hang rãnh.

Phàm là sáu lối, bốn loài, nào kẻ Chiêm Thành, hay cỏ Việt, dù hiền hách hay
tối tăm.

Vì cơ sự ngàn năm, nào nghe ai trước ai sau.

Hình bóng trăm năm, chan chứa những sầu.

Cảnh mây trắng chó xanh, sao dòi vật đổi.

Than ôi! Mồ xanh bóng xế, đất rộng trời cao.

Ngoài mười dặm tà dương, hát ca chỉ là lão tiêu, trẻ chẵn trâu.

Trong một ly hoàng thổ, kết bạn may có chuột, chồn, cầy, cáo.

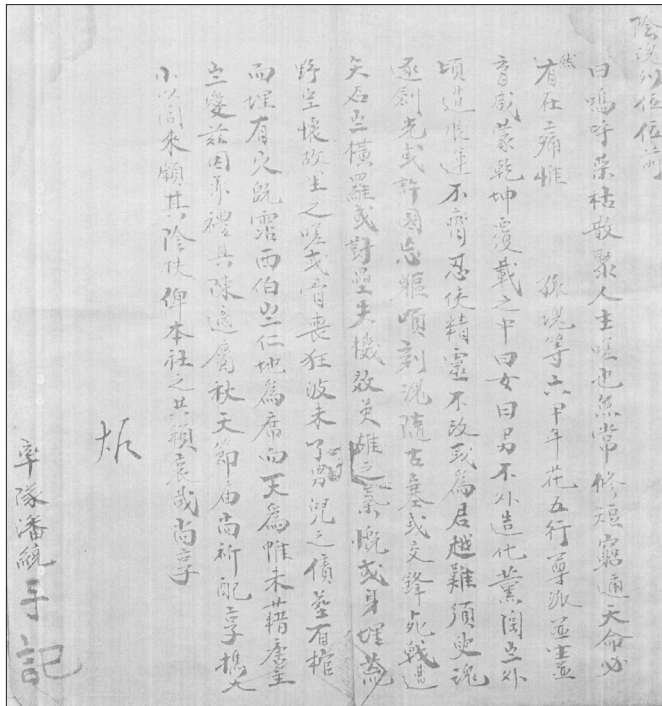
Ngọn cỏ khô, thân bông đứt đoạn, trong trời đất ai viếng ai thăm.

Ma trôi, đom đóm lập lòe, giữa chốn ấy thê lương nào sánh.

Nay nhân xuân tiết, tưởng niệm chốn tuyên đài.

Mong tất cả cô hồn, đến đây xin hưởng.

VĂN TẾ ÂM HỒN LÀNG ĐỨC BƯU⁽¹⁾



Phiên âm:

[Cảm cáo vu:]

Âm hồn liệt vị vị thần.

Viết ô hô !

Vinh khô tán tụ, nhân sinh ta đã vô thường;

Tu đoàn cùng thông, thiên mệnh tất nhiên hữu tại.

Thống duy:

Cô hồn đẳng lục giáp niên hoa, ngũ hành tôn phái.

Tịnh sinh tịnh dục hàm mông càn khôn phủ tái chi trung.

Viết nữ, viết nam, bất ngoại tạo hóa huân đào chi ngoại.

Khoảnh tao thời vận bất tề, nhân sử tinh linh bất cải.

Hoặc vị quân việt nạn, tu du hồn trực kiếm quang.

Hoặc hứa quốc vong khu, khoảnh khắc hồn tùy cổ tái.

Hoặc giao phong tử chiến, tao thí thạch chi hoành la.

Hoặc đối lũy thất cơ, hiệu anh hùng chi khí khái.

Hoặc thân mai hoang dã, không hoài cổ lý chi ta.

Hoặc cốt táng cuồng ba, vị liễu nam nhi chi trái.

Táng hữu quan nhi mai hữu nguyệt, ký triêm Tây Bá chi nhân.

Địa vị tịch nhi thiên vi duy, vị tạ Đường vương chi ái.

Tu nhơn phi lễ cụ trần, thích thuộc thu thiên tiết giới.

Thượng kỳ phối hưởng.

Huê đại tiểu dĩ đồng lai, nguyện kỳ âm phò.

Tỷ bốn xã chi cộng lại.

Ai tai thượng hưởng.

Dịch nghĩa:

Xin cáo lên:

Trước linh vị của liệt vị âm hồn.

⁽¹⁾ Võ Vinh Quang sưu tầm, Trần Đại Vinh dịch nghĩa.

Rằng hỡi ôi !

Tươi khô tan hợp, nhân sinh than đã vô thường;

Dài ngắn cùng thông, thiên mệnh tất nhiên vốn có.

Xót nghĩ:

Tất cả cô hồn, tuổi trời lục giáp, tông phái ngũ hành.

Được sinh được dưỡng đều mang ơn trời đất chở che.

Dù gái hay trai, không ngoài trời đất un đúc.

Chợt lâm thời vận chẳng đều, nữ khiến tinh linh chẳng đổi.

Hoặc vì vua vượt nạn, chốc lát hồn theo ánh kiếm.

Hoặc vì nước quên mình, khoảnh khắc hồn về ái cổ.

Hoặc giao phong tử chiến, gặp tên đạn giăng ngang.

Hoặc đổi lũy thất cơ, học bậc anh hùng khí khái.

Hoặc thân vùi đồng trống, than cho nhớ mong làng cũ.

Hoặc xương theo sóng dữ, chưa xong món nợ nam nhi.

Táng có quan tài, chôn có huyết, đã được nhuần đức nhân của Tây Bá.⁽¹⁾

Hoặc lấy đất làm chiếu, lấy trời làm màn, chưa hưởng ân đức của vua Đường.⁽²⁾

Nay xin lễ mọn đã bày, lại thuộc tiết thu.

Xin dất lớn nhỏ cùng tới, mong được âm phò, để bản làng cùng nhờ cậy.

Thương thay xin hưởng.

VĂN TẾ CÔ HỒN LÀNG THỦ LỄ⁽³⁾

致祭于

本社列族男女諸孤魂

曰

仁政必先無告曾聞古訓之遺

同類莫不相憐最是人情所戚

故

蘭焚蕙嘆兔死狐悲亦一點自然之不容釋

痛惟諸孤魂

溝井中人

光陰過客

自昔因緣多不幸孤悅廖廖

向來埋沒太無端雲仍寂寂

多少數堆黃壤 草色苔痕

淒涼幾處佳城默蹄鳥跡

彷彿天陰之際夜夜哭孤辰

徘徊墟墓之間人人流淚液

不使之哀乍觸曷既魯人

已荒之塚重修令霑周后澤

聊將一奠尋常

庶慰九源冥冥

哀哉尚饗

⁽¹⁾ Tây Sở Bá Vương Hạng Vũ.

⁽²⁾ Đường vương tức Đường Cao Tổ Lý Uyên trải qua chinh chiến lập nên nhà Đường.

⁽³⁾ Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

Phiên âm:

Trí tế vu:

Bồn xã liệt tộc nam nữ chư cô hồn.

Viết:

Nhân chính tất tiên vô cáo, tăng văn cổ huấn chi di;

Đồng loại mạc bất tương lân, tối thị nhân tình sở thích.

Cố:

Lan phần huệ thán, thố tử hồ bi, diệc nhất điểm tự nhiên chi bất dung thích.

Thống duy chư cô hồn:

Câu tình trung nhân;

Quang âm quá khách.

Tự tích nhân duyên đa bất hạnh, hồ thuế liêu liêu;

Hương lai mai một thái vô đoan, vân nhưng mịch mịch.

Đa thiếu số đôi hoàng hoại, thảo sắc đài ngân;

Thê lương cơ xứ giai thành, thú đề điều tích.

Phảng phát thiên âm chi tế, dạ dạ khốc cô thân;

Bồi hồi khứ mộ chi gian, nhân nhân lưu lệ dịch.

Bất sử chi ai sạ xúc, hạt ký Lỗ nhân tình;

Dĩ hoang chi trùng trùng tu, linh triêm Chu hậu trạch.

Liêu tương nhất điện tâm thường,

Thứ úy cửu nguyên minh mịch.

Ai tai! Thượng hưởng.

Dịch nghĩa:

Xin tế đến:

Nam nữ cô hồn của các họ trong bồn xã.

Rằng:

Lòng nhân trước nên không cáo, từng nghe lời dạy xưa còn;

Cùng loại sao chẳng yêu thương, đã hẳn tình người vẫn thói.

Cho nên:

Lan khô huệ xót, thố chết cáo buồn,⁽¹⁾ đó cũng là điều tự nhiên không giải thích nổi.

Đau đớn thay các cô hồn:

⁽¹⁾ Nguyên chú: 見陸士衡嘆逝賦 見陸士衡嘆逝賦 見陸士衡嘆逝賦 見陸士衡嘆逝賦 見陸士衡嘆逝賦 (Xem bài phú *Than cái chết* của Lục Sĩ Hành).

Ngồi giềng lênh đênh;
 Tháng ngày mòn mỏi.⁽¹⁾
 Từ trước nhân duyên⁽²⁾ nhiều khôn khô, cung lược⁽³⁾ quạnh hiu;
 Đến nay mai một rất tình cờ,⁽⁴⁾ gió mây⁽⁵⁾ trơ trọi.
 Năm bảy ngôi mờ xiêu đổ, cỏ úa rêu phong;
 Dẫm ba khoảnh đất hoang tàn, chim qua thú tới.
 Phẳng phát góc trời mù mịt, tối tối tiếng rên đưa;⁽⁶⁾
 Bồi hồi khu mộ mệnh mang, người người dòng lệ xối.
 Chẳng khiến mà thêm thương xót, tình người Lỗ bấy chầy;⁽⁷⁾
 Đã hoang mà lại trùng tu, ơn nhà Chu gấp bội.⁽⁸⁾
 Xin dâng một lễ sơ sài;
 An ủi chín dòng dòi dọi.
 Thương thay ! Xin hưởng.

VĂN TẾ ÂM HỒN NGÀY RẼM THÁNG HAI LÀNG THANH PHƯỚC⁽⁹⁾

Phiên âm:

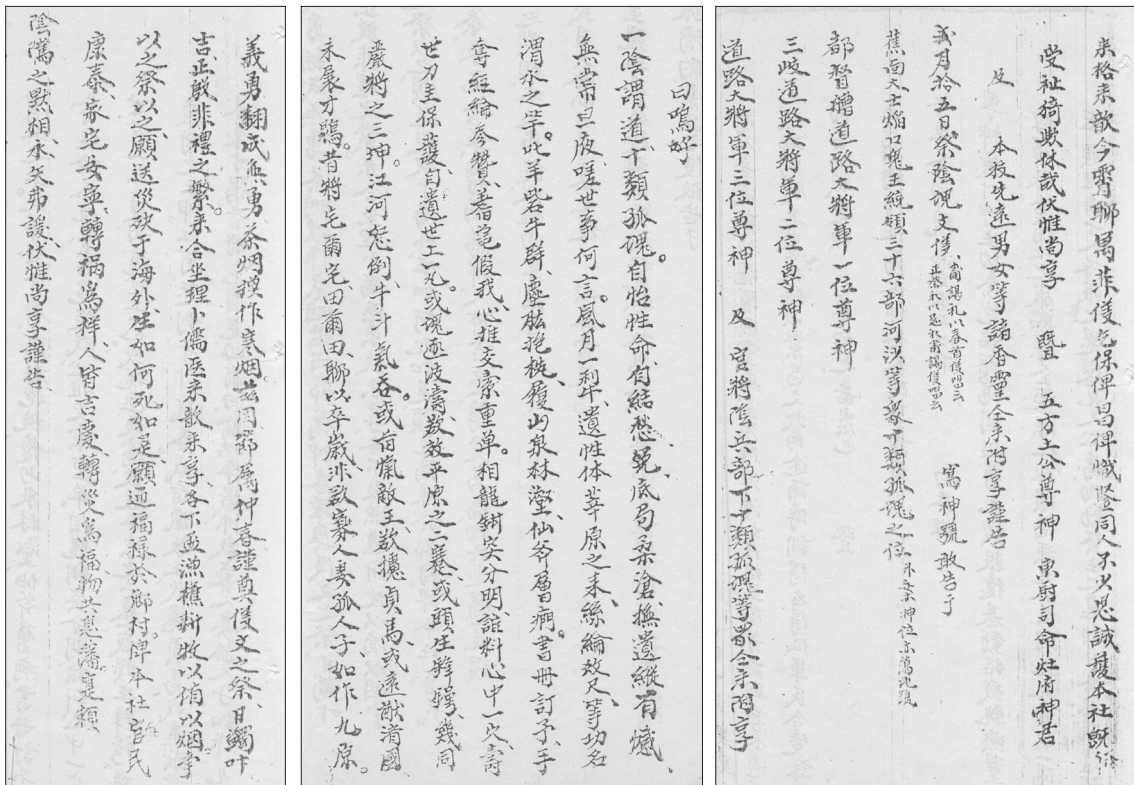
NHỊ NGUYỆT THẬP NGŨ NHẬT TẾ ÂM HỒN VĂN

[Lược phần mở đầu]

Cảm cáo vu:

*Tiêu Diện Đại Sĩ Diệm Khẩu Quỷ Vương thống lĩnh tam thập lục bộ hà sa
 đấng chúng thập loại cô hồn chi vị.*

- (1) Nguyên chú: 春庭宴桃李篇光陰者百代之過客 *Xuân đình yến: Đào lý thiên: Quang âm giả bách đại chi quá khách* (Bài Đào lý trong sách *Xuân đình yến: Ngày tháng là người khách trải qua trăm đời).*
- (2) Nguyên chú: 善因緣惡因緣 *Thiện nhân duyên, ác nhân duyên* (Nhân duyên lành, nhân duyên dữ).
- (3) Cung lược: chỉ con trai con gái. Nguyên văn “hồ thuế”, là cái cung và cái khăn. Tục xưa của Trung Quốc, khi trong nhà sinh con trai, người ta làm cái cung và cái tên bằng gỗ dâu treo trước sân, sinh con gái thì treo cái khăn và cái lược.
- (4) Nguyên chú: 朱子克己篇寶鑑當年照腑寒向來埋沒太無端 *Chu Tử Khắc kỷ thiên: Bảo giám đương niên chiếu phủ hàn hướng lai mai một thái vô đoan* (Bài Khắc kỷ của thầy Chu: Năm nao gương quý soi lòng lạnh/ Đến lúc tiêu tan rất ngẫu nhiên).
- (5) Gió mây: nguyên văn “vân nhưng”, chỉ cháu chắt. Ý nói người vô tự.
- (6) Nguyên chú: 杜甫兵車行新鬼煩冤舊鬼哭天陰兩混聲啾啾 *Đỗ Phủ Binh xa hành: Tân quỷ phiến oan cựu quỷ khóc / Thiên âm lưỡng hỗn thanh chầu chầu* (Bài Binh xa hành của Đỗ Phủ: Quỷ mới rầu rầu quỷ cũ khóc / Trời mù mưa lẩn tiếng ma gào).
- (7) Nguyên chú: 借周豐填詞 *Tá Chu Phong điền từ* (Mượn lời trong *Chu Phong điền*).
- (8) Nguyên chú: 岡文王澤及枯骨 *Chu Văn Vương trạch cập khô cốt* (Ơn của Chu Văn Vương đến với cả xương khô).
- (9) Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.



Té Âm hồn văn làng Thanh Phước, trang 1-3, từ phải sang.

Đô đốc Tàu đạo lộ đại tướng quân nhất vị tôn thân.

Tam kỳ đạo lộ đại tướng quân nhị vị tôn thân.

Đạo lộ đại tướng quân tam vị tôn thân.

Cập:

Quan tướng âm binh bộ hạ thập loại cô hồn đẳng chúng đồng lai phụ hưởng.

Viết ô hô !

Nhất âm vị đạo, thập loại cô hồn;

Tự di tính mệnh, tự kết sầu oan.

Để cuộc tang thương, vũ di tung hữu hám

Vô thường đàn dạ, ta thể sự hà ngôn

Phong nguyệt nhất lê, di tính thể Sần nguyên chi lỗi;

Ty luân số xích, đẳng công danh Vị Thủy chi can.

Sát dương trại ngư quân, trần quặng bảo châm;

Phúc sơn tuyên lâm hác, tiên phủ tầng môn.

Thử sách đỉnh dư, thử đoạn kinh luân tham tán;

Kỳ quy giả ngã, tâm suy giao sách trùng đơn.

Tướng long kiềm đột phân minh, thùi liệu tâm trung nhất huyết;
 Thọ thế đao khuê bảo hộ, tự di thế thượng nhất hoàn.
 Hoặc hồn trực ba đào, lục hiệu Bình Nguyên chi nhị kiến;
 Hoặc đầu sinh phong ngạc, cơ đồng Nghiêm tướng chi tam khôn.
 Giang hà nợ đảo, Ngưu Đẩu khí thôn.
 Hoặc cự khái địch vương, dục sư trình mã;
 Hoặc viễn du tế quốc, vị triển tài côn.
 Tích tương trạch nhĩ trạch, điền nhĩ điền, lưu dĩ tốt tuế.
 Phi dục quả nhân thê, cô nhân tử, như tác cửu nguyên.
 Nghĩa dũng phiên thành vô dũng, trà yên hoán tác hàn yên.
 Tư nhơn tiết thuộc trọng xuân, cần điện nghi văn chi tế.
 Nhật quyên hiệp cát, chính ân phỉ lễ chi phồn.
 Lai hợp tọa lý bốc y nho, lai hâm lai hưởng.
 Các hạ bôi ngư tiều canh mục dĩ hựu dĩ yên.
 Sự dĩ chi, tế dĩ chi, nguyện tổng tai ương vu hải ngoại.
 Sinh như hà, tử như thị, nguyện nghinh phước lộc u hương thôn.
 Tỷ bốn xã quan dân khang thái, gia trạch an ninh.
 Chuyển họa thành tường, nhân giai cát khánh.
 Chuyển tai vi phúc, vật cộng ân phồn.
 Thực lại âm chất chi mặc tướng, vĩnh thế phát huyền.
 Phục duy thượng hưởng.
 Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Lược phần mở đầu]

Kính cáo với:

Tiêu Diện Đại Sĩ Diệm Khẩu Quỷ Vương thống lĩnh tất cả cô hồn thuộc mười loại và ba mươi sáu bộ.

Tôn thân thứ nhất là Đô đốc đại tướng quân Tàu đạo lộ.

Tôn thân thứ hai là Đại tướng quân đường ngã ba.

Tôn thân thứ ba là Đại tướng quân Đạo lộ.⁽¹⁾

Và tất cả quan tướng, âm binh dưới trướng cùng mười loại cô hồn cùng đến phối hưởng.

⁽¹⁾ Đây là sự tôn vinh ba vị quan võ đã tử tiết, được chôn ở cồn mờ Thanh Phước, và lập miếu thờ Âm hồn ven Sông Hương.

Rằng hồi ơi !
 Một quẻ âm gọi là đạo, mười loại cô hồn;
 Tự vui với tính mạng, hay tự kết oan sầu.
 Trọn cuộc bể dâu, vỗ về dẫu xưa mà ân hận;
 Hôm sớm vô thường, than thế sự biết làm sao!
 Một trâu giữa gió trăng, để tính mạng trên chiếc cày nơi Sần dã.
 Sợi tơ mấy thước, đợi công danh bằng cần câu trên Vị Thủy.
 Gọi dê trại trâu bày, co cánh tay mà kê gỏi.
 Lội núi khe rừng hóc, búa tiên từng mòn.
 Sách vở hẹn ta, ra tay đoạt kinh luân tham tán.
 Rùa già mượn tứ, lòng suy gieo quĩ kếp đơn.
 Chọn tay long kiếm đột⁽¹⁾ rõ ràng, ai liệu trong lòng một huyết.
 Giúp người thợ, dao cân gìn giữ, để trên đời sót lại một hoàn.
 Hoặc hồn đuôi theo sóng cả, muốn học theo vận bị của Bình Nguyên.⁽²⁾
 Hoặc đầu sinh kiếm nhọn, hầu như.....của Nghiêm Nhan.⁽³⁾
 Cái giận quấy cả sông ngòi, khí muốn nuốt sao Ngưu sao Đẩu.
 Hoặc vì vua giận địch, muốn dong ngựa mạnh; hoặc mưu xa giúp nước, chưa triển tài cao.
 Xưa là cho cày ruộng, yên nhà, cho trọn cuối năm, chẳng phải muốn làm vợ người góa, làm con kẻ mồ côi như về chín suối.
 Nghĩa dừng lật thành yếu đuối, khói đun trà bỗng hóa khói tan.
 Nay nhân thuộc tiết trọng xuân, kính dâng một lễ.
 Chọn ngày lành sắm sửa cỗ bàn.
 Xin ngồi chung, nho y lý bốc đều mong thọ hưởng.
 Xin cạn ly, ngư tiều canh mục được thỏa no nê.
 Lấy đó phụng thờ, lấy đó tế tự.
 Mong được tổng tai ương ra ngoài biển, sống thế nào, chết thế ấy.
 Mong đón phước lộc cho hương thôn, để quan dân trong làng yên ổn, nhà cửa bình an.
 Chuyển họa thành lành, người đều tốt đẹp; chuyển tai thành phúc, vật được ơn sâu.

⁽¹⁾ Kiếm đột là hai dạng huyết trong phong thủy.

⁽²⁾ Bình Nguyên Quân: con của vua nước Triệu, thời Chiến Quốc, nuôi hàng ngàn thực khách.

⁽³⁾ Nguyên văn: “*Nghiêm tướng chỉ tam khôn*”. Nghiêm tướng có lẽ là Nghiêm Nhan, danh tướng thời Tam Quốc. Chúng tôi chưa rõ điển này.

Thực là nhờ cõi âm thâm giúp, mãi mãi chẳng quên.

Cúi xin thượng hưởng.

Cẩn cáo.

VĂN TẾ NHỮNG NGƯỜI VÔ TỰ LÀNG THỦ LỄ⁽¹⁾

按禮祭法云泰厲帝王無後者公厲諸侯無後者族厲大夫無後者明會典兩京有大厲王國有國厲府有府厲縣有縣厲鄉有鄉厲各有設壇月令廣義謂民間以湯飧祭不祀之鬼曰度傷祭即此類也本社例以三年一祭祭以八月十五日排列三間每間北內各設一尊坐繼又各布長席為坐前各設一香案爐匣燈具足庭前總設一桌子為盥洗所祭主三人以族長輪次為之各具禮服用唱一祝一引六各具禮服。

致祭于	幾度訝乞憐之哭天陰雨濕啾啾
本社列族男女老幼無嗣諸孤魂	一杯成吊古之場草蔓苔封寂寂
曰	不知何代潛靈
仁政必先無告曾聞古訓之遺	借問伊誰當璧
同類莫不相憐最是人情所戚	蒸嘗屬他人世祀寄此身于瑩獨之鄉
故	檀越希幾處空門餬其口於菩提之澤
蘭焚蕙嘆免死狐悲亦一點自然之不容釋	香魂杳靄無處可歸
痛惟諸孤魂	哀淚潺湲同人共惕
溝井中人	及人之老人之幼今來古往同心
光陰過客	雖他人父他人兄西舍東鄰猶昔
自昔因緣多不幸門稀福德之神	聊將一奠尋常
向來埋沒太無端譜絕雲仍之迹	庶慰九源冥寞
于天何辜	伏惟
如今妥適	尚享

Phiên âm:

Án Lễ tế pháp vân: Thái lệ đế vương vô hậu giả, công lệ chư hầu vô hậu giả, tộc lệ đại phu vô hậu giả. Minh Hội điển lương kinh hữu đại lệ, vương quốc hữu quốc lệ, phủ hữu phủ lệ, huyện hữu huyện lệ, hương hữu hương lệ các hữu thiết đàn. Nguyệt lệnh quảng nghĩa vị dân gian dĩ thang xan tế, bất tự chi quý viết: độ thương tế, tức thử loại dã. Bản xã lệ dĩ tam niên nhất tế, tế dĩ bát nguyệt thập ngũ nhật. Bài liệt tam gian, mỗi gian bắc nội các thiết nhất tôn tọa, kế hựu các bố trường tịch vị tọa, tiền các thiết nhất hương án lư, hạp, đấng cụ túc. Đình tiền tổng

⁽¹⁾ Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

thiết nhất trắc tử vi quán tây sở. Tế chủ tam nhân, dĩ tộc trưởng luân thứ vi chi, các cụ lễ phục. Dụng xướng nhất, chúc nhất, dẫn lục các cụ lễ phục.

Trí tế vu:

Bổn xã liệt tộc nam nữ lão ấu vô tự chư cô hôn.

Viết:

Nhân chính tất tiên vô cáo, tăng văn cổ huấn chi di;

Đồng loại mạc bất tương lân, tối thị nhân tình sở thích.

Cố:

Lan phân huệ thân, thố tử hồ bi, diệc nhất điểm tự nhiên chi bất dung thích.

Thống duy chư cô hôn:

Câu tình trung nhân;

Quang âm quá khách.

Tự tích nhân duyên đa bất hạnh, môn hy Phúc Đức chi thân;

Hương lai mai một thái vô đoan, phổ tuyệt vân nhưng chi tích.

Vu thiên hà cô;

Như kim thỏa thích.

Cơ độ nhạ khát liên chi khóc, thiên âm vũ thấp thu thu;

Nhất ai thành điệu cổ chi trường, thảo vạn⁽¹⁾ đài phong tịch tịch.

Bất tri hà đại tiềm linh;

Tả vấn y thùi đương bích.

Chưng thường thuộc tha nhân thế tự, ký thử thân vu quỳnh độc chi hương;

Đàn việt hy kỹ xứ không môn, hồ kỳ khẩu ư bồ đề chi trạch.

Hương hồn yêu ái, vô xứ khả quy;

Ai lệ sần viên, đồng nhân cộng dịch.

Cập nhân chi lão nhân chi ấu, kim lai cổ vãng đồng tâm;

Tuy tha nhân phụ tha nhân huynh, tây xá đông lân do tích.

Liêu tương nhất điện tâm thường;

Thứ úy cứu nguyên minh mịch.

Phục duy.

Thượng hưởng.

⁽¹⁾ Nguyên chú: 音万 âm vạn (đọc là “vạn”). [Chữ 蔓 đọc là mạn nhưng nguyên chú chú âm là vạn].

Dịch nghĩa:

[Nguyên chú] Xét chương Tế pháp trong *Kinh Lễ* nói: Thái lệ là đế vương vô hậu, công lệ là chư hầu vô hậu, tộc lệ là đại phu vô hậu. Sách *Hội điển* nhà Minh, hai kinh [*Bắc Kinh* và *Nam Kinh*] có đại lệ, nhà nước có quốc lệ, phủ có phủ lệ, huyện có huyện lệ, làng có hương lệ, đều lập đàn. Thiên Nguyệt lệnh giải nghĩa: Dân gian dùng cháo gạo tẻ loại quý không được thờ cúng, gọi là tế độ thương, tức một dạng như thế. Xã ta có lệ ba năm một lần tế, tế vào ngày 15 tháng Tám. Bày biện ba gian, mỗi gian phía bắc ở trong đặt một tòa cao, tiếp đó lại trải chiếu dài làm tòa, trước mỗi tòa đặt một hương án, lư, hộp, đèn đầy đủ. Trước đình đặt chung một cái bàn làm nơi lau rửa. Tế chủ ba người, đều do các trưởng tộc thay phiên nhau làm, ai cũng đầy đủ lễ phục. Một người xướng lễ, một người đọc chúc, sáu người dẫn lễ, ai cũng đầy đủ lễ phục.

Xin tế lên:

Những cô hồn trai gái già trẻ vô tự của các họ trong bốn xã.

Rằng:

Lòng nhân trước nên không cáo, từng nghe lời dạy xưa còn;

Cùng loại sao chẳng yêu thương, đã hẳn tình người vẫn thói.

Cho nên:

Lan khô huệ xót, tỏ chết cáo buồn,⁽¹⁾ đó cũng là điều tự nhiên không giải thích nổi.

Đau đớn thay các cô hồn:

Ngòi giếng lênh đênh;

Tháng ngày mòn mỏi.⁽²⁾

Từ trước nhân duyên⁽³⁾ nhiều khốn khổ, cửa thần Phúc Đức vắng tên;⁽⁴⁾

Đến nay mai một rất tình cờ,⁽⁵⁾ phả hiêm cháu con nối dõi.⁽⁶⁾

Tủi phận đành lòng;

E trời bắt tội.

Mấy phen những thương vay khóc mượn, quạnh hiu mưa đổ trời mờ;

Một chén rày nhớ cũ viếng xưa, vắng vẻ rêu phong cỏ rối.

(1) Xem chú thích bài Văn tế cô hồn làng Thủ Lễ.

(2) Xem chú thích bài Văn tế cô hồn làng Thủ Lễ.

(3) Xem chú thích bài Văn tế cô hồn làng Thủ Lễ.

(4) Nguyên chú: ...子孫為福德之神...*Tử tôn vi Phúc Đức chi thần* (...Cháu con cho thần Phúc Đức).

(5) Xem chú thích bài Văn tế cô hồn làng Thủ Lễ.

(6) Nguyên chú: 雲孫仍孫 *Vân tôn nhưng tôn* (Vân tôn là chất).

Đâu hay hồn ở thời nào;⁽¹⁾

Xin hỏi ai ngoài vách tối.⁽²⁾

Nhờ người khác đòi đòi thờ cúng, gởi mình vào làng xóm mồ cõi;

Nương cửa không chón chón giúp cho, ghé miệng tới bờ đề cứu rỗi.⁽³⁾

Hồn thom phảng phất, đâu chón trở về;

Lệ thảm chứa chan, ai người thương với.

Già cũng người, trẻ cũng người, xưa qua nay lại một lòng;

Cha ai đó, anh ai đó, nhà bắc xóm nam bao nỗi.

Xin dâng một lễ sơ sài;

An ủi chín dòng dòi dòi.

Kính lạy! Xin hương.

VĂN TẾ NHỮNG NGƯỜI VÔ TỰ LÀNG PHƯỚC YÊN⁽⁴⁾

Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên từng đóng phủ chính tại nơi này từ năm 1626, đặt tên là phủ Phúc An. Khi chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan dời phủ vào Kim Long năm 1635, thì làng Phúc An được thành lập, sau gọi là Phước Yên, thuộc tổng Phước Yên, huyện Quảng Điền (nay thuộc xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế). Làng tuy không cổ (thành lập giữa thế kỷ XVII), nhưng vừa là một làng “chức sắc” (nhiều người làm quan trong chính phủ thời chúa Nguyễn và trong hoàng cung thời nhà Nguyễn, nhất là ở các ty thợ và bộ phận nội trù, tức nhà bếp cung đình), cũng là một làng văn vật thế kỷ XIX (nhiều tú tài, lại có cả cử nhân như Nguyễn Đình Tân, tiến sĩ như Cao Đăng Đệ). Làng đất hẹp, người đông nên không có khu nghĩa riêng mà chỉ từng đám “cô mộ” chung trong mấy khu nghĩa địa của dân làng, nhưng hàng năm cũng tiến hành chạp và đặt lễ tế nghiêm túc. Dưới đây, chúng tôi xin phiên âm bài văn tế Nôm chép trong *Lễ bạ* của làng, không ghi rõ tác giả và niên điểm, có thể do Nguyễn Đình Tân soạn, vì trong khoảng thời gian lập nghĩa塚, ông là người “chữ nghĩa” bậc nhất trong làng, đã làm quan và về hưu. Dù sao, đó cũng là một bài văn khá cổ chứa dạng chữ Nôm

(1) Nguyên chú: 祭冥冥君文曜質何年潛靈幾載 *Tế Minh Mạc quân văn: Diệu chất hà niên tiềm linh cơ tải* (Bài văn tế thần Minh Mạc: Về sáng năm nào, hồn thiêng mấy thừa).

(2) Nguyên chú: 嗣子為當壁左傳當壁而拜神所立也 *Tự tử vi đương bích. Tả truyện: Đương bích nhi bái thần sở lập dã* (Con nối gọi là đương bích. Sách *Tả truyện*: Con nối mà lạy thần ở chỗ đứng của mình vậy).

(3) Nguyên chú: 布施曰檀越花寺老僧曰此檀越結願香煙已三生矣 *Bố thí viết: đàn việt. Hoa tự lão tăng viết: Thử thị đàn việt kết nguyện hương yên dĩ tam sinh hỹ* (Ban phát rộng rãi gọi là đàn việt. Vị tăng già chùa Hoa nói: Thừa ấy, đàn việt nguyện kết khói hương đã ba lần sinh ra rồi vậy).

(4) Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và phiên âm.

thế kỷ XIX và ngôn ngữ địa phương, có thể được nhiều làng xã khác “vay mượn” để dùng trong cùng trường hợp, nên chúng tôi xin ghi lại để tham khảo.

TẾ VÔ TỰ VẤN

Hỡi ôi!

Một cuộc gieo cơ;

Trăm năm vẽ bánh.⁽¹⁾

Sang hèn ba tác đất, đoái giai thành giọt bích⁽²⁾ tuôn rơi;

Đưa rước mấy con trăng, ngừng cổ độ niềm đơn sẻ chạnh.

Đã biết chữ năm đời thời dứt,⁽³⁾ lễ chung thường⁽⁴⁾ không thấu nỗi xa xôi;

Song nghĩ câu một cội mà phân, niềm thủy mộc⁽⁵⁾ chỉ hầy còn đành rạnh.

Nhớ hương hồn xưa:

Hai khí⁽⁶⁾ rõ ràng;

Năm hàng phương chánh.

Cũng có kẻ tiết gia năm đáng, trong lang miếu đua chen;⁽⁷⁾

Cũng có người thú dôi⁽⁸⁾ bốn dân,⁽⁹⁾ ngoài hương lư bày sánh.

Kia nam nhân còn nhiều đáng anh hào;

Há phụ nữ dễ không trang công hạnh.⁽¹⁰⁾

Dòng nghề châm tuyền,⁽¹¹⁾ trái mấy thu tiếng hầy bay hương;

(1) Vẽ bánh: cái bánh vẽ, không có thực; tuy cũng có hình đấy, trông ngon lành nhưng chẳng ăn được, chỉ đời là hư ảo.

(2) Giọt bích: bích là loại ngọc màu xanh; giọt bích cũng như giọt ngọc, chỉ nước mắt giọt xuống như viên ngọc trong veo.

(3) Năm đời: theo phong tục, việc cúng kỵ trong họ tiến hành chỉ tính lên đến đời thứ năm (1. Thân, 2. Khảo (cha), 3. Tổ (ông nội), 4. Tăng tổ (ông cố), 5. Cao (ông sơ). Các đời xa hơn thì tổ chức một lần giỗ chung trong năm, gọi là “hiệp tế” hay “hiệp kỵ”.

(4) Chung thường: việc cúng giỗ người đã mất.

(5) Thủy mộc: nước và cây, cây có cội (gốc), nước có nguồn, cũng như người ta có tổ tiên họ hàng vậy.

(6) Hai khí: tức âm và dương, phối hợp để tạo thành muôn vật.

(7) Năm đáng: người đứng vào hàng năm tước phong thời xưa, là công, hầu, bá, tử, nam. Lang miếu: lang là cái nhà lớn, nơi hội họp các quan; miếu là nhà thờ các vua, có thờ phối bệ tôi nhiều công lao. Chỉ chung nơi triều đình.

(8) Thú dôi: theo đời sự vui thú. Thực ra, bốn dân khác với bốn thú. Bốn thú là ngư, tiều, canh, mục (đánh cá, hái củi, cày ruộng, chăn trâu). Nói cho đúng, đó là bốn nghề được xem là thông thả, vui thích trong xã hội xưa.

(9) Bốn dân: chỉ bốn hạng người là sĩ (học trò), nông (trồng trọt), công (thợ thuyền), thương (buôn bán) của xã hội xưa. Ngoài ra còn thêm lính tráng (binh) nữa.

(10) Công hạnh: chỉ bốn đức tốt của phụ nữ xưa là công (khéo léo trong việc may vá, bếp núc), dung (hình dáng tề chỉnh, dịu dàng), ngôn (nói năng từ tốn), hạnh (tính nết đoan trang, cẩn thận).

(11) Châm tuyền: kim và chỉ, nói chung việc may vá, thêu thùa.

*Chuyên việc tửu tương,⁽¹⁾ khắp trăm họ dẫu còn để cảnh.
 Chạnh tưởng kẻ da môi tóc bạc, sống hòa an thác cũng hòa an;
 Cảm phò loài hột tuyết hòn sương,⁽²⁾ còn cánh nánh mắt cũng cánh nánh!⁽³⁾
 Những ước nổi cây kia khô chồi nọ nảy, dẫu ngõ roi⁽⁴⁾sông dãi non mài;
 Để muốn chi hoa nọ tàn quả kia rơi, sầu luống để trời hiu đất quạnh.
 Đổng mả phần mồ mường tượng đó, nổi y cân⁽⁵⁾ hầu dễ thấy ai;
 Vừa hương bát nước phụng thờ đâu, ngày kỵ chạp nhiều bề cảm cảnh!
 Và bốn xã nay tuy chẳng kẻ chí thân;
 Mà vong linh ấy cũng là người đồng tánh.⁽⁶⁾
 Nghĩ phò đáng cơ cầu không nói phận, bao đành nước chảy hoa bay;
 Huống chi người lân lý cũng đồng thân, tình nở để hương tàn khói lạnh!
 Mấy gò phần trủng, dễ nài đã đắp lại phong;
 Một tiệc phỉ nghi, chạnh tưởng dôi xa chĩnh kính.
 Lóng chẳng nghe, xem chẳng thấy, dưới chín sông⁽⁷⁾ luống hãy mơ màng;
 Ăn thời chước, ước thời vâng, phò bốn xã thấy đều khỏe mạnh.
 Thương thay! Nguyễn hưởng...*

**BÀI VĂN TẾ QUÂN DÂN TRẬN VONG, NẠN VONG
 NĂM ẤT DẬU-1885⁽⁸⁾**

Trong lịch sử dân tộc, Huế từng là trung tâm của những cuộc chiến tranh đẫm máu của các phe phái, các tập đoàn chính trị từ cuối thế kỷ XVIII, như năm 1774-1775, họ Trịnh tấn công chiếm đóng đô thành Phú Xuân, đến năm 1786, quân Tây Sơn của Nguyễn Huệ bất ngờ đánh ra tiêu diệt quân Trịnh giải phóng Thuận Hóa, rồi năm 1801, Nguyễn Phúc Ánh lại tập kích đẩy vua tôi nhà Tây Sơn chạy ra Bắc, khôi phục đất cũ của ông cha mình. Trong những cuộc thôn tính nhau ấy, tránh sao khỏi cảnh nhà tan cửa nát, quân dân bỏ mạng, bao nhiêu cô hồn thất thểu không

(1) Tửu tương: rượu và các thứ nước, nói chung việc bếp núc.

(2) Hột tuyết hòn sương: chỉ trẻ chưa sinh đã chết, sa sẩy.

(3) Cánh nánh: cảm thương, chạnh lòng.

(4) Roi: nổi dôi, để lại về sau.

(5) Y cân: áo khăn, chỉ sự cứng tế, sẵn sóc.

(6) Đồng tánh: cùng họ, cùng là người cả, do thời quân chủ, gọi nhân dân là bá tính hay bách tính.

(7) Chín sông: đúng ra là chín suối (cửu tuyền), phải đổi "suối" ra "sông" vì âm luật (tiếng này trong câu phải thuộc thanh trắc). Xưa tin rằng hồn người chết xuống âm phủ phải đi qua chín con suối, tức cũng là chín vùng đất, nên còn gọi là cửu nguyên.

(8) Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và giới thiệu.

chốn nương thân, nhưng không bằng hai trận chống thực dân xâm lược cuối thế kỷ XIX, để lại dấu ấn sâu đậm trong tâm thức người dân cố đô Huế. Đó là sự kiện thất thủ cửa Thuận An năm 1883 và thất thủ kinh đô Huế năm 1885. Cả hai sự kiện này đều được ghi lại qua hai bài về “Thất thủ Thuận An” và “Thất thủ kinh đô”. Ngoài hai áng văn ấy chúng tôi cũng sưu tầm được một bài văn tế Nôm về sự kiện thất thủ kinh đô, không rõ là dùng cho âm hồn đàn hay âm hồn miếu, xin dẫn sau đây.

Hỡi ôi!

Đất Việt mây mưa;

Trời Nam sóng gió.⁽¹⁾

Cồn Thương hải biến di mây cuộc, non xanh nước biếc hãy còn vạm;⁽²⁾

Núi Côn sơn khói lửa một phen, đá nát vàng phai nào có tỏ.

Dạ sắt gan vàng quyết trái, hơn thua cho biết mặt anh hùng;

Cơm vua nợ nước lăm đền, sống chết để làm gương kim cổ.

Nhớ linh xưa:

Át Dậu niên gian;

Kinh thành thất thủ.

Vẫn dạ trung can;

Vốn người hiền ngỗ.

Cũng có kẻ văn giai đài các, dòng dõi trâm anh;

Cũng có người võ tiến công khanh, tướng tài giáp trụ.

Cũng có tướng sĩ chur dinh; Cũng có quan nha lục bộ.

Phần thời người trường Giáo Dưỡng Anh Danh;⁽³⁾

Phần thời kẻ vệ Thần Cơ, Trấn Võ.⁽⁴⁾

Phần thời Võ Bị, Thượng Trà, Hùng Dũng, Võ Uy;

Phần thời Cẩm Y, Loan Giá, Tiền Phong, Long Võ.

Lại có kẻ vào nơi kinh địa, hôm khuya lo việc cử canh;

Lại có người ở chốn thị thành, ngày tháng theo đường thương cổ;

Thảm cho kẻ nam thanh nữ tú, tuổi xuân xanh chưa xứng bạn sắt cầm;

⁽¹⁾ Bên cạnh chữ “坦越 Đất Việt” sửa thành “沒陣 một trận”, bên cạnh chữ “侑南 Trời Nam” sửa thành “沒杆 một con”.

⁽²⁾ Một chữ, Hán viết “範 phạm”, không rõ âm Nôm thế nào. Chúng tôi tạm đọc “vạm”, từ cổ, có nghĩa là đầy đủ.

⁽³⁾ Hai trường võ bị ở kinh đô, dành cho con các quan võ đăng ký theo nghiệp nhà, học tập rồi tùy nhu cầu mà bổ dụng.

⁽⁴⁾ Những tên này và dưới đây đều là tên các vệ quân ở kinh đô Huế, phục vụ hoàng đế và hoàng gia hay canh gác để giữ an ninh Kinh Thành.

Thương những người quả túc cô thân,⁽¹⁾ bề đeo sắc không lòng ái mộ.
 Thương thay!
 Biển lặng sóng xao;
 Đất bằng sấm nổ.
 Lửa thành trách kẻ chẳng yêu đương;
 Cá chậu vì ai nên nổi nọ?
 Tường ngăn đỡ thành vàng ao nóng, thịt xương không nại giữa ba quân;
 Chí lầy lừng khói dậy tên bay, thân thể đành liều ngoài trăm họ.
 Thảm vì kẻ xông pha thành Mang Cá,⁽²⁾ lỡ vời nên nước chảy hoa trôi;
 Thương những người ngăn đỡ Trấn Bình Đài, thất thế phải cây vàng lá úa.
 Thương vì kẻ xông pha mũi bạc, ra tranh dương thác chốn Hậu Bô;⁽³⁾
 Thương vì người chống đỡ thành vàng, quyết đeo đuổi tan nơi Võ Phố.⁽⁴⁾
 Nhảy nhót lúc đêm nghe tiếng súng, chen lán nhau như chim nọ tung lồng;
 Tung bừng khi hôm mở cửa thành, hoảng hốt chạy tựa quạ kia vỡ tổ.
 Thảm cho kẻ tai nghe súng nổ, té xuống sông mà trụ tại chốn Thanh Long;⁽⁵⁾
 Khổ cho người mắt trông thấy hãi hồn, lộn ra cửa mà bị nơi cầu Bạch Hồ.⁽⁶⁾
 Còn những kẻ vào hang xuống hố, chẳng may lâm cuộc chông gai;
 Thảm những người chen bụi lủi bờ, bị rủi gởi mình cây cỏ.
 Thảm cho kẻ nên đôi thành một,⁽⁷⁾ mẹ lia con nằm khóc bên đường;
 Khổ cho người tám chục chín mươi, ông dất cháu chạy tìm trước ngõ.
 Vẫn biết sang hèn một nắm, còn thịt da ai cũng thân hơi;
 Chẳng hay số mệnh ba sinh, không cốt nhục cũng tình máu mủ.
 Nói đến số chẳng qua là số, cạn thời dâu, sâu thời biển, máy thiên công chi
 xiết nổi tuần hoàn;
 Nhắc đến thân thêm thảm cho thân, sống thời khôn, thác thời thiêng, tay tạo
 hóa vẫn cầm quyền yếu thọ.

(1) Quả túc cô thân: Sớm hôm góa bụa cô đơn (quả: đàn bà góa chồng; cô: con chết cha mẹ; túc là buổi hôm; thân là buổi sớm).
 (2) Mang Cá là tên dân gian gọi thành nhỏ trong Trấn Bình Đài, ở góc đông bắc Kinh Thành Huế, Pháp chiếm để đóng quân. Người ta cũng gọi là Mang Cá Nhỏ để so với Trấn Bình Đài là Mang Cá Lớn. Xưa công đường phủ Thừa Thiên đóng ở đây, thuộc phường Thường Thanh, về sau mới dời qua bên bờ nam Sông Hương, tức chỗ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay.
 (3) Hậu Bô: Là vườn lớn phía ở sau bên ngoài Hoàng Thành. Nay là khu dân cư đường Nhật Lệ.
 (4) Võ Phố: Chúng tôi không rõ địa danh này. Phải chăng là Võ Khố?
 (5) Tên cầu, phía đông Kinh Thành, bắc qua chỗ thông Ngự Hà đổ ra Đông Hộ Thành Hà.
 (6) Tên cầu, bắc qua Tây Hộ Thành Hà, nơi thông với Sông Hương.
 (7) Nên đôi thành một: tức hai người cùng nhau mà một mất một còn.

Canh vắng lập lòe con huy dạ,⁽¹⁾ tưởng hồn ma còn thấp thoáng chôn Xuân Sơn;
 Đêm thanh thánh thót tiếng đờ quyên, ngõ hồn quế dật dờ nơi Nam Phố.
 Nước như thế, vận thời như thế, tình thương đoạn thâm, ai không tác dạ
 ngâm ngùi;
 Cẩn vì đâu số hệ vì đâu, người sắt gan vàng, khi cũng rơi châu lỗ đố.
 Bồn giáp nay:
 Duy người Nam thác ở kinh đô; phường hiệu.⁽²⁾
 Âm hồn xưa nhiều kẻ anh linh;
 Năm Ất Dậu Hàm Nghi niên độ.
 Ba tuần rượu lạt, đốt hương yên mời khắp bốn phương;
 Chút tấm lòng thành, dâng lễ bạc gọi là một cỗ.
 Tiếng chuông cảnh tỉnh, nguyện siêu thăng qua bến mê tân;
 Câu kệ quy y, xin tiếp dẫn đến miền tịnh độ.
 Nợ nước ơn vua là rộng lớn, trước làm sao sau làm vậy, đấng anh hùng đừng
 nại chữ tử sinh;
 Cuộc đời sự thế ấy chiêm bao, sống làm tướng chết làm thần, hồn hiển hách
 xin chứng lòng phù hộ.
 Phục duy thượng hưởng.

V. VĂN TẾ THEO HOÀN CẢNH BẤT THƯỜNG

VĂN TẾ XUA ĐUÔI QUỶ GÂY ÔN DỊCH LÀNG THỦ LỄ⁽³⁾

儺祭禡祭也道上祭之鄉例以三月初三日按周禮三月國儺八月天子儺十二月
 月大儺天下皆祭鄉村應從大儺為是但本社因循雖三月亦不甚妨按春秋禮緯以十
 二月命方相蒙熊皮黃金四目玄衣纁裳執戈揚盾率百隸及童子辰儺驅室逐疫漢苗
 制用童男十歲以上十二歲以下謂之儺童著赤皂衣又作桃人一形儺耳白虎二形持
 以同行以逐疫鬼今宜斟酌酒行之止擇儺童十名上下各持葦索又畫白虎一形亦令童
 子持行四周逐鬼庶不戾古道上排列用一行四坐內上坐為行遣尊坐第二坐為行兵
 判官坐第三坐為十二儺神及儺耳白虎之坐最下第四坐為附享之坐。

(1) Con đom đóm, phát ánh sáng ban đêm.

(2) Xung tên phường đứng chủ tế; phường nào tổ chức thì điền vào. Một thời gian sau sự cố này, đến thời Thành Thái, triều đình Huế lệnh cho các phường trong Kinh Thành Huế dựng miếu hay đắp đàn, hàng năm tế lễ, cho nên có thể bài văn tế này do triều đình biên soạn từ về các địa phương.

(3) Lê Nguyễn Lưu - Nguyễn Công Trí sưu tầm và dịch nghĩa.

敢告于	窮奇之神
本年某王行譴尊神	騰根之神
本年某王行兵之神	儻耳之神
本年某判官之神	白虎之神
某鬼王之神	日
甲作之神	羅刹冥司
腓胃之神	夜叉部帥
雄伯之神	衛庭奉神茶 ⁽¹⁾ 之敕飛符走籙令寄葦桃
騰蘭之神	司戶持儻 ⁽²⁾ 耳之刀瞰室叫樑暗驚魑魅
攬諸之神	俾本社等
伯倚之神	秋葉灾殃
疆梁之神	春花富貴
祖明之神	誠仰賴尊神之嘉惠也
委隨之神	謹告
錯斷之神	暨各部陰兵咸資附享

Phiên âm:

Na tế: Dương tế dã, đạo thượng tế chi. Hương lệ, dĩ tam nguyệt sơ tam nhật. Ân: Chu Lễ tam nguyệt Quốc na, bát nguyệt Thiên tử na, thập nhị nguyệt Đại na, thiên hạ giai tế. Hương thôn ứng tòng đại na vi thị. Dẫn bốn xã nhân tuần tụy tam nguyệt diệc bát thậm phương. Ân: Xuân Thu lễ vĩ, dĩ thập nhị nguyệt mệnh Phương Tướng mông hùng bì, hoàng kim, tứ mục, huyền y huân thường, chấp qua dương thuân, suất bách lệ cấp đồng tử, thì na khu thất trục dịch. Hán Miêu chế dụng đồng nam thập tuế dĩ thượng thập nhị tuế dĩ hạ vị chi thành đồng, trừ xích tạo y, hựu tác đào nhân nhất hình thương nhĩ, bạch hổ nhị hình trì dĩ đồng hành dĩ trục quý. Kim nghi châm tửu hành chi, chỉ trạch thành đồng thập danh thượng hạ các trì vĩ sách. Hựu họa bạch hổ nhất hình, diệc lệnh đồng tử trì hành tứ chu trục quý; thứ bất lệ cổ đạo. Thượng bài liệt dụng nhất hàng tứ tọa, nội thượng tọa vi Hành khiển tôn tọa, đệ nhị tọa vi Hành binh Phán quan tọa, đệ tam tọa vi thập nhị Na thần cấp thương nhĩ bạch hổ chi tọa. Tối hạ đệ tứ tọa vi phụ hưởng chi tọa.

Cảm cáo vu:

Bốn niên mỗ vương Hành khiển tôn thân.

Bốn niên mỗ vương Hành binh chi thân.

⁽¹⁾ Lòi chú: 神 (音申) [chữ thần nhưng nguyên chú chú âm thân] 茶 (音舒) [chữ này vốn là chữ trà hoặc đồ nhưng nguyên chú chú âm thư].
⁽²⁾ Lòi chú: 儻 (音根) [chữ này chú chú âm thành].

Bốn niên mỗ Phán quan chi thân.

Mỗ Quỷ vương chi thân.

Giáp tác chi thân.

Phi vị chi thân.

Hùng bá chi thân.

Đằng lan chi thân.

Lãm chư chi thân.

Bá ý chi thân.

Đằng căn chi thân.

Thương nhĩ chi thân.

Bạch hổ chi thân.

Viết:

La sát minh ty,

Dạ xoa bộ sủy.

Vệ đình phụng Thân Đồ chi sắc, phi phù tâu lục lệnh ký vi đào;

Ty hộ đặc Tranh Nhĩ chi đao, khám thất khiêu lương âm kinh lý mị.

Tỷ bản xã đấng:

Thu diệp tai ương;

Xuân hoa phú quý.

Thành ngưỡng lại tôn thần chi gia huệ giả.

Cẩn cáo.

Kỵ: Các bộ âm binh hàm tư phụ hưởng.

Dịch nghĩa:

[Nguyên chú] Tề Na là tề Dương vậy, tề ở trên đường đi. Lệ làng, lấy ngày mồng 3 tháng Ba tề. Xét: theo sách *Chu lễ*: tháng Ba tề Quốc na, tháng Tám tề Thiên tử na, tháng Chạp tề Đại Na; thiên hạ đều tề. Làng quê làm theo như thế. Nhưng thôn ta theo lệ tháng Ba cũng chẳng hại gì lắm. Xét theo sách *Xuân thu lễ* vĩ, vào tháng Chạp, sai Phương Tướng cầm da gấu, đeo đồ vàng, bốn mắt, áo đen quần đỏ, cầm giáo giờ thuận, dẫn một trăm đầy tớ và trẻ con, xua quỷ trong nhà để đuổi dịch lệ. Người Miêu thời Hán chế dùng con trai từ mười đến mười hai tuổi, gọi là trành đồng, mặc áo đỏ nhạt, lại làm một hình người bằng gỗ đào tai tẹt, hình một con hổ trắng, cầm theo cùng đi để đuổi quỷ. Nay nên rót rượu mà đi, chỉ chọn trên dưới mười tên trành đồng, đưa nào cũng cầm roi lau. Lại vẽ hình một con hổ trắng, sai trẻ con cầm đi bốn bên để đuổi quỷ. Làm thế cũng không trái phép xưa. Trên sắp đặt một hàng bốn tòa: trong đó, tòa trên là tòa Hành khiển, tòa thứ hai là

tòa Hành binh Phán quan, tòa thứ ba là tòa mười hai thần Na, và tòa thứ tư hổ trắng tai tẹt ở dưới cùng là tòa phụ hưởng.

Xin tế lên:

[Lược danh sách các thần, xem phần phiên âm].

Rằng:

La sát côi âm;

Dạ xoa lũ quỷ.

Gìn giữ có Thân Đồ vãng sắc,⁽¹⁾ bày bùa niệm chú với lau đào;

Chờ che có Tranh Nhĩ cầm đao,⁽²⁾ trông mái coi nhà xua ly mị.⁽³⁾

Cho bản xã nay:

Tai nạn như lá thu rơi; Giàu sang như hoa xuân hé.⁽⁴⁾

Thành thật ngửa nhờ tôn thần ban thêm ơn huệ vậy.

Cho đến: Âm binh các bộ đều được phụ hưởng.

KHAO VĂN LÀNG ĐỨC BỪ⁽⁵⁾

Phiên âm:

[Không ghi phần mở đầu]

Cảm cáo vu:

Đại càn Quốc gia Nam Hải tứ vị thánh nương.

Đương niên Hành khiển (.v.v..).

Chủ ôn, hòa ôn Đại thánh Khang Phụ tiên sinh.

Đông phương Thánh giả Lưu Nguyên Đạt hành ôn tướng quân.

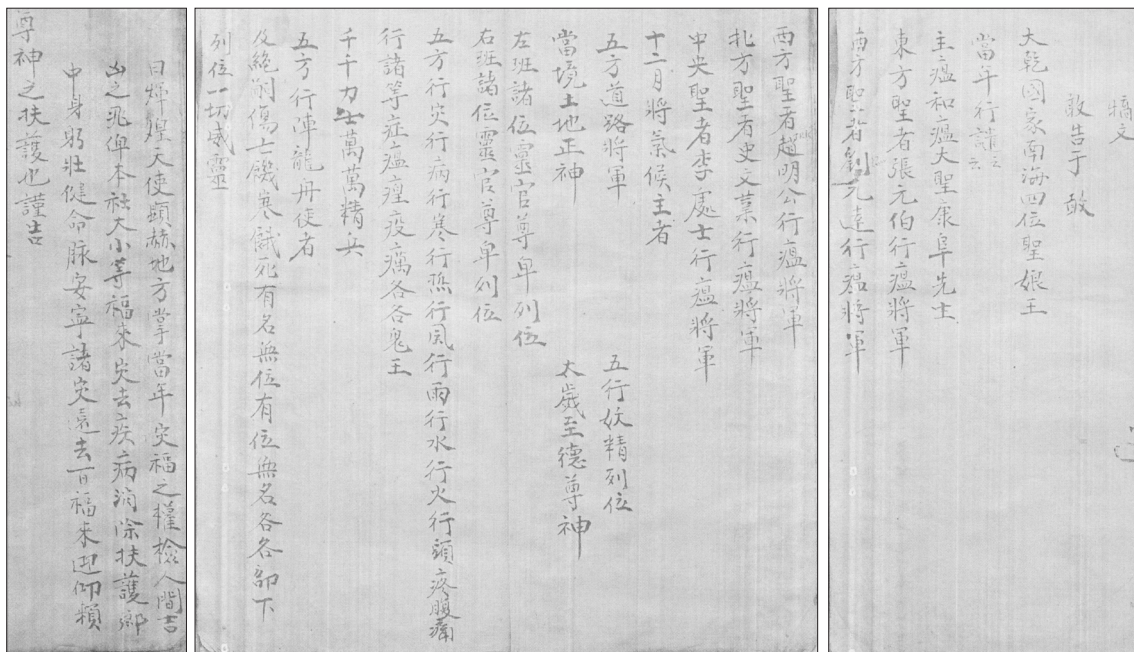
⁽¹⁾ Nguyên chú: 道書上帝敕神荼鬱累兄弟二人守衛門庭二人往度朔山桃樹下閱百鬼不遵令者以葦索縛之以飼白虎 *Đạo thư: Thượng đế sắc Thân Đồ Uất Lũy huynh đệ nhị nhân thủ vệ môn đình, nhị nhân vãng độ Sóc Sơn đào thụ hạ duyệt bách quỷ bất tuân lệnh giả dĩ vĩ sách phược chi dĩ tỵ bạch hổ* (Sách của đạo sĩ rằng: Thượng Đế sai hai anh em Thân Đồ và Uất Lũy xuống dưới cây đào ở Sóc Sơn xem xét trăm loài quỷ không tuân lấy cây lau trói; lại cho hổ trắng ăn). Phụ chú: Về hai vị thần này, xem thêm: Nguyễn Hoàng Huy (2004), *Câu đối trong văn hóa Việt Nam*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr.9-10.

⁽²⁾ Nguyên chú: 司刀○鬼 *Tư Đao Tiệm quỷ* (tên loài quỷ Tư Đao Tiệm). Chữ trong dấu ○ là chữ *tiệm*, gồm 漸 + 鬼.

⁽³⁾ Nguyên chú: 出楊雄解朝 *Xuất Dương Hùng Giải trào* (Rút từ bài phú Giải trào (Buồn cười) của Dương Hùng).

⁽⁴⁾ Nguyên chú: 邵子詩灾殃秋葉霜前墜富貴春花雨後紅 *Thiệu Tử thi: Tai ương thu diệp sương tiền truy / Phú quý xuân hoa vũ hậu hồng* (Thơ của Thiệu Tử: Tai họa lá vàng rơi dưới móc / Giàu sang hoa thắm lóa sau mưa).

⁽⁵⁾ Võ Vinh Quang sưu tầm, Trần Đại Vinh dịch nghĩa.



Khao văn làng Đức Bưu.

Tây phương Thánh giả Triệu Minh Công hành ôn tướng quân.

Bắc phương Thánh giả Lại Văn Nghiệp hành ôn tướng quân.

Trung ương Thánh giả Lý xử sĩ hành ôn tướng quân.

Thập nhị Nguyệt tướng, khí hậu chủ giả.

Ngũ phương Đạo lộ tướng quân.

Ngũ hành yêu tinh liệt vị.

Đương cảnh Thổ Địa chính thần.

Thái Tuế Chí Đức tôn thần.

Tả ban chư vị linh quan tôn ty liệt vị.

Hữu ban chư vị linh quan tôn ty liệt vị.

Ngũ phương hành tai hành bệnh hành hàn hành nhiệt hành phong hành vũ hành thủy hành hỏa hành đầu đông, phúc thống, hành chư đẳng chứng ôn hoàng dịch lệ các các quý vương.

Thiên thiên lực sĩ, vạn vạn tinh binh.

Ngũ phương hành trận Long chu sứ giả cập tuyệt tự thương vong cơ hàn ngã tử hữu danh vô vị, hữu vị vô danh các các bộ hạ liệt vị nhất thiết uy linh.

Viết:

Huy hoàng thiên sứ, hiển hách địa phương. Chưởng đương niên tai phúc chi quyền, kiểm nhân gian cát hung chi triệu.

Tỷ bốn xã đại tiểu đẳng phúc lai, tai khứ, tật bệnh tiêu trừ, phò hộ hương trung thân cung tráng kiện, mệnh trạch an ninh, chư tai viễn khứ, bách phúc lai nghinh.

Ngưỡng lại:

Tôn thần phò hộ dã.

Cẩn cáo.

Dịch nghĩa:

[Lược danh sách các thần, xem phân phiên âm]

Rằng:

Sứ trời sáng tỏ, thần đất lấy lòng.

Nắm quyền tai phúc năm nay, giữ điềm nhân gian lành dữ.

Mong cho bốn làng lớn nhỏ, phúc tới, tai đi.

Tật bệnh tiêu trừ, phò hộ toàn làng thân hình mạnh khỏe, mạng số an ninh, tai ương thoát khỏi, phúc đức rước về.

Ngửa nhờ: Tôn thần phò hộ vậy.

Kính cáo.

VĂN CÚNG CẦU ĐẢO TÓNG DỊCH LỆ LÀNG THANH PHƯỚC⁽¹⁾

Phiên âm:

ĐẢO LỆ KHÍ VĂN

[Không có phần mở đầu]

Viết cung duy:

Tôn thần.

Thiết văn: Quốc gia tự điển dĩ vị dân dã, cố năng ngự đại tai, hãn đại hoạn tắc tự chi vô vi sở dĩ vị dân kỳ hướng dã.

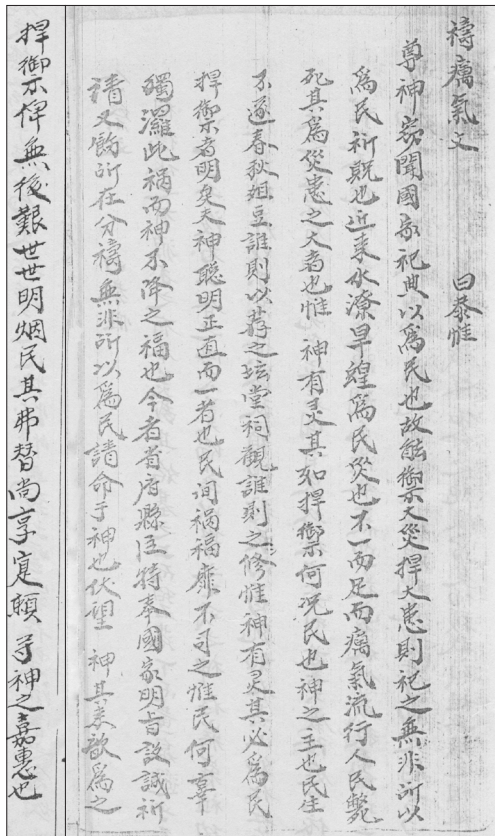
Cận lai thủy lạo hạn hoàng vi dân tai dã bất nhất, nhi túc nhi lệ khí lưu hành, nhân dân hoǎng tử. Kỳ vi tai hoạn chi đại giả dã.

Duy thần hữu linh kỳ như hãn ngự, hà hướng dân dã thần chi chủ dã. Dân sinh bất toại, xuân thu trở đậu thùy tắc dĩ tiến chi ? Đàn đường từ quán thùy tắc dĩ tu chi.

Duy thần hữu linh kỳ tất vị dân hãn ngự giả minh hỹ.

Phù, thần thông minh chính trực nhi nhất giả dã. Dân gian họa phúc mỹ bất tư chi, duy dân hà cô, độc la thử họa nhi thần bất giáng chi phúc dã.

⁽¹⁾ Năm 1913. Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.



Kim giả tỉnh phủ huyện thân đặc phụng quốc gia minh chỉ thiết thành kỳ thỉnh hựu sức sở tại phân đảo vô phi sở dĩ vị dân thỉnh mệnh vu thân dã.

Phục vọng:

Thần kỳ lai hâm vi chi hãn ngự, tử vô hậu gian thể thể minh yên dân kỳ phát thể.

Thượng hưởng

Thực lại tôn thân chi gia huệ dã.

(Cẩn cáo)

Dịch nghĩa:

Kính nghĩ rằng:

Tôn thần.

Trộm nghe: Điền lễ thờ tự của quốc gia là để vì dân, cho nên ngăn được tai ương lớn, cản được họa hoạn lớn. Thế nên việc thờ tự là để vì dân cầu giúp đỡ vậy. Gần đây, lũ lụt đại hạn sâu rầy gây ra tai họa bất nhất cho

dân, nhưng để cho dịch lệ lưu hành, nhân dân chết chóc, đó là tai ương hoạn nạn lớn vậy.

Rằng thần có linh thì phải ngăn cản thế nào. Huống chi dân là chủ của thần. Dân sinh không toại thì mâm cỗ xuân thu lấy gì để dâng; đàn đường từ quán thì lấy gì để tu bổ. Nếu thần có linh tất phải vì dân mà ngăn cản tai họa, đã rõ ràng vậy.

Này, thần sáng tỏ ngay thẳng nên một khi việc họa phúc của dân gian chẳng thần nào là không lo, dân khổ vì mắc tai họa mà thần không giáng phúc cho.

Nay bệ tôi cái tỉnh phủ huyện đặc biệt kính vâng minh chỉ của quốc gia thiết lễ cầu đảo chân thành. Lại sức cho sở tại chia ra cầu đảo cốt là vì dân mà xin mệnh ở thần vậy.

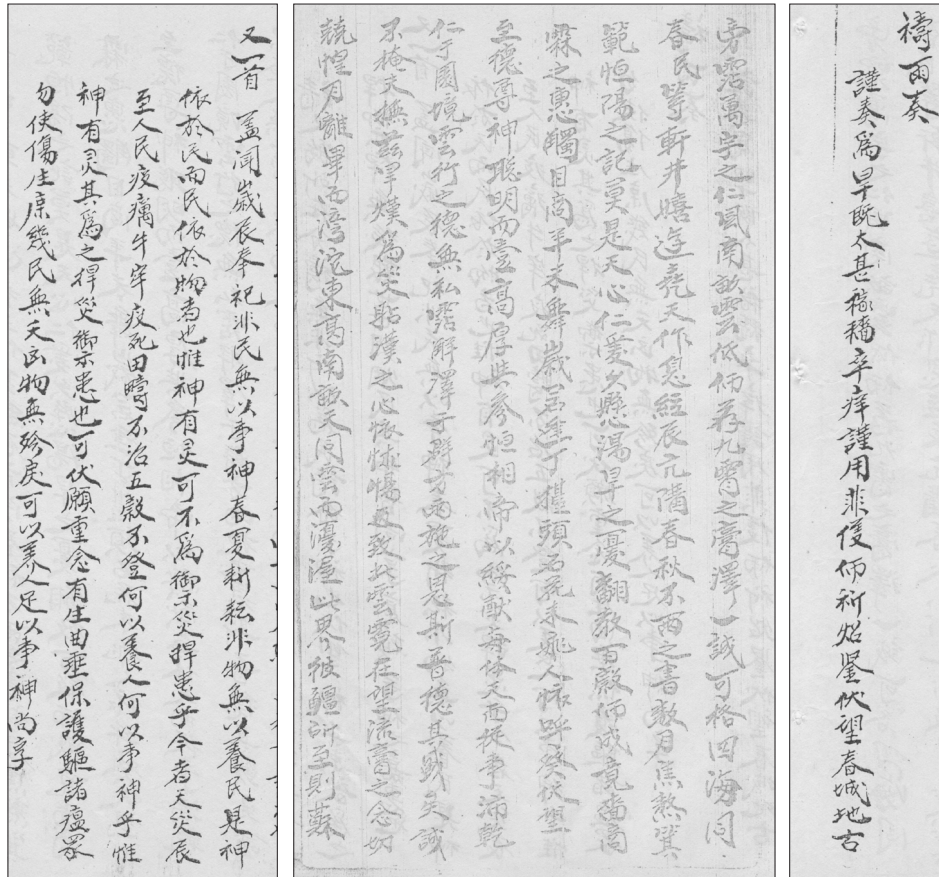
Cúi mong thần hãy thọ hưởng mà ngăn cản tai ương hoạn nạn cho dân để dân thoát khổ, việc thờ phụng thần đời đời sáng tỏ chẳng đổi thay.

Xin thượng hưởng.

Thật là nhờ tôn thần ban cho ơn huệ vậy.

Cẩn cáo.

VĂN CẦU MƯA LÀNG THANH PHƯỚC⁽¹⁾



Văn cầu mưa làng Thanh Phước, trang 1-3, từ phải sang.

Phiên âm:

ĐẢO VŨ TÁU (VĂN)

Cẩn tấu: Vị hạn ký thái thậm, giá sắc tốt dương, cẩn dụng phi nghi ngưỡng kỳ chiếu giám.

Phục vọng:

Xuân thành địa cố, bàng triêm vạn vũ chi nhân phong;

Nam mẫu vân đê, ngưỡng tiến cửu tiêu chi cao trạch.

Nhật thành khả cách, tứ hải đồng xuân. Dân đẳng hiên tỉnh hy du, Nghiêu thiên tác tức, kinh thời cang cách, xuân thu bát vũ chi thư, sở nguyệt tiêu sát Cơ phạm hoàng dương chi ký. Mạc thị thiên tâm nhân ái, cửu huyền thang hạn chi ưu, phiến giao bách cốc ngưỡng thành cánh sắc. Thương lâm chi huệ, xúc mục thương dương vị vũ, tuế nhược phùng đình, đài đầu thạch hoa vị phi, nhân hoài hô quý.

⁽¹⁾ Năm 1913. Trần Đại Vinh sưu tầm và dịch nghĩa.

Phục vọng:

Chỉ đức tôn thần thông minh nhi nhất, cao hiệu dữ tham, hằng tướng đế dĩ tuy du, mỗi thể thiên nhi tòng sự. Bái càn nhân vu viễn cảnh, vân hành chi đức vô tư, triêm giải trạch quần phương, vũ thi chi ân tư phổ, đức kỳ thịnh hỹ thành bất yếm phù. Vũ tư hạn hán vi tai, chiêm hán chi tâm hoài truật dịch, trí thử vân nghệ tại vọng, lưu cao chi niệm thiết cạnh hoàng. Nguyệt ly Tất nhi bàng đà - đông cao nam mẫu. Thiên đồng vân nhi ru ốc - thử giới bỉ cương. Sở chí tắc tô đài nhuận nhi thiên trù, lãg duyên nhất kinh tiện hóa, quân triêm nhi vạn mẫu vân hoàng.

Ngưỡng bằng:

Đế đức chi uông hàm.

Thực lại thần công chi bảo hựu.

Cẩn tấu.

Dịch nghĩa:

Kính tâu: Vì hạn đã rất nặng, lúa má cuối cùng hư hỏng, kính dùng lễ mọn, cúi mong soi xét.

Kính mong:

Thành Phú Xuân đất cỏ, thấm nhuần gió nhân trong đất trời; đồng Nam mây thấp, ngựa trông ơn nhuần thấm của trời cao. Một tấm lòng thành được cảm thấu, bốn biển đều xuân, dân chúng tôi, xóm thôn vui vẻ, nghỉ ngơi dưới trời Nghiêu. Gặp lúc hạn hán, cả năm không mưa, mấy tháng nắng cháy, sao Cơ bị nung nóng. Chẳng phải là lòng trời nhân ái đã treo lâu dài nỗi lo nước sôi nắng cháy, khiến cho hoa màu trở thành hư hại, trông ngóng ơn huệ của mùa thu (lược một câu vì không rõ nghĩa).

Cúi mong:

Tôn thần chí đức, sáng tỏ như một, tham dự nơi cao dày, từng giúp vua lo mưu lược, thể hiện đức trời khi hành sự, tưới đức nhân lớn nơi cõi xa. Đức của mây đi vô tư, thấm nhuần ơn trạch khắp nơi, mưa ra ơn khắp chốn, đức thịnh vậy thay, thực chẳng che lấp. Nay vớ về nơi hạn hán, ngắm bầu trời mà lòng sợ hãi, nên phải trông mong mây, ý nghĩ nước tuôn càng thiết tha. Trăng lia sao Tất mà dám dè ruộng đông, bờ nam; trời cùng mây mà thấm đầy bờ cõi nọ kia. Khiến cho ngàn đồng ruộng đầy nước, vạn mẫu mây vàng.

Ngựa trông đức của trời dào dạt.

Thật là nhờ công ơn của thần che chở.

Kính tâu.
